

50 ĐỀ THI HỌC KỲ I

Toán

LỚP



Có đáp án

HỒ KHẮC VŨ

ĐỀ 01

I. TRẮC NGHIỆM : (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1: (0,5 điểm) Số liền trước của 69 là:

- A. 60 B. 68 C. 70 D. 80

Câu 2: (0,5 điểm) Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 10 B. 90 C. 99 D. 100

Câu 3: (0,5 điểm) Điền dấu(<, >, =) thích hợp vào ô trống: $23 + 45$ $90 - 30$

- A. < B. > C. = D. +

Câu 4: (0,5 điểm) - 35 = 65. Số cần điền vào ô trống là:

- A. 90 B. 35 C. 100 D. 30

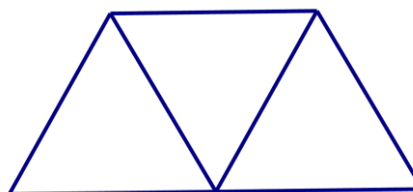
Câu 5: (0,5 điểm) 1 ngày có giờ. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 12 B. 24 C. 14 D. 15

Câu 6: (0,5 điểm)

Hình bên có số hình tứ giác là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



II. TỰ LUẬN: (7 điểm) Thực hiện các bài toán theo yêu cầu:

Câu 1: (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$26 + 29$$

$$45 + 38$$

$$41 - 27$$

$$60 - 16$$

Câu 2: (1 điểm) Tìm x:

$$x + 28 = 54$$

$$44 + x = 72$$

$$x - 38 = 62$$

$$98 - x = 19$$

Câu 3: (2,5 điểm) Bao ngô cân nặng 5 chục ki – lô – gam. Bao thóc nặng hơn bao ngô 5kg. Hỏi bao thóc cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Câu 4: (2 điểm) Năm nay, bố Lan 43 tuổi. Bố nhiều hơn Lan 35 tuổi. Hỏi năm nay Lan bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Câu 5: (0,5 điểm) Trong một phép tính trừ có số bị trừ bằng số trừ và bằng 16 thì lúc này hiệu bằng mấy?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM : (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1: (0,5 điểm) Số liền trước của 69 là:

- A. 60 **B. 68** C. 70 D. 80

Câu 2: (0,5 điểm) Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 10 B. 90 **C. 99** D. 100

Câu 3: (0,5 điểm) Điền dấu(<, >, =) thích hợp vào ô trống: $23 + 45$ $90 - 30$

- A. <** B. > C. = D. +

Câu 4: (0,5 điểm) - 35 = 65. Số cần điền vào ô trống là:

- A. 90 B. 35 **C. 100** D. 30

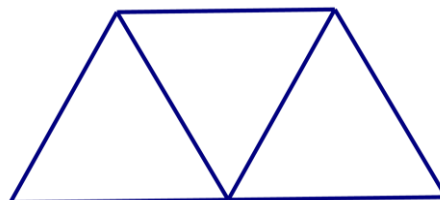
Câu 5: (0,5 điểm) 1 ngày có giờ. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 12 **B. 24** C. 14 D. 15

Câu 6: (0,5 điểm)

Hình bên có số hình tứ giác là:

- A. 1 B. 2 **C. 3** D. 4



II. TỰ LUẬN: (7 điểm) Thực hiện các bài toán theo yêu cầu:

Câu 1: (1 điểm) Đặt tính rồi tính: Mỗi phép tính đúng được 0,25 điểm

$$\begin{array}{r} 26 + 29 \\ + 26 \\ \hline 29 \\ \hline 55 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45 + 38 \\ 45 \\ + 38 \\ \hline 83 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 - 27 \\ 41 \\ - 27 \\ \hline 14 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 - 16 \\ 60 \\ - 16 \\ \hline 44 \end{array}$$

Câu 2: (1 điểm) **Tìm x:** Mỗi phép tính đúng được 0,25 điểm.

$$\begin{array}{l} x + 28 = 54 \\ x = 54 - 28 \\ x = 26 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 44 + x = 72 \\ x = 72 - 44 \\ x = 28 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} x - 38 = 62 \\ x = 62 + 38 \\ x = 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 98 - x = 19 \\ x = 98 - 19 \\ x = 79 \end{array}$$

Câu 3: (2,5 điểm) Bao ngô cân nặng 5 chục ki – lô - gam. Bao thóc nặng hơn bao ngô 5kg. Hỏi bao thóc cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

Bài giải

Đổi 5 chục = 50 (0, 5 điểm)

Bao thóc cân nặng số ki – lô – gam là: Bao thóc cân nặng là: (0, 5 điểm)

$$50 + 5 = 55 \text{ (kg) (1 điểm)}$$

Đáp số: 55 kg thóc (0, 5 điểm)

Câu 4: (2 điểm) Năm nay, bố Lan 43 tuổi. Bố nhiều hơn Lan 35 tuổi. Hỏi năm nay Lan bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Năm nay Lan có số tuổi là: (Số tuổi của Lan là:) (0, 5 điểm)

$$43 - 35 = 8 \text{ (tuổi) (1 điểm)}$$

Đáp số: 8 tuổi. (0, 5 điểm)

Câu 5: (0,5 điểm) Trong một phép tính trừ có số bị trừ bằng số trừ và bằng 16 thì lúc này hiệu bằng mấy?

Bài giải

Số bị trừ bằng số trừ và bằng 16 ta có:

$$16 - 16 = 0 \text{ (0, 25 điểm)}$$

Vậy hiệu bằng 0. (0, 25 điểm)

Đáp số: 0.

ĐỀ SỐ 02

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm):

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1: Tìm x , biết $9 + x = 14$

A. $x = 5$

B. $x = 8$

C. $x = 6$

Câu 2: Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

A. $55 + 35$

B. $23 + 76$

C. $69 + 31$

Câu 3: Kết quả tính $13 - 3 - 4$ bằng kết quả phép trừ nào dưới đây?

A. $12 - 8$

B. $12 - 6$

C. $12 - 7$

Câu 4: $1 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$

A/ 10 cm

B/ 1 cm

B/ 100cm

C/ 11 cm

Câu 5: Số liền sau số lớn nhất có 2 chữ số là:

A/ 99

B/ 98

C/ 100

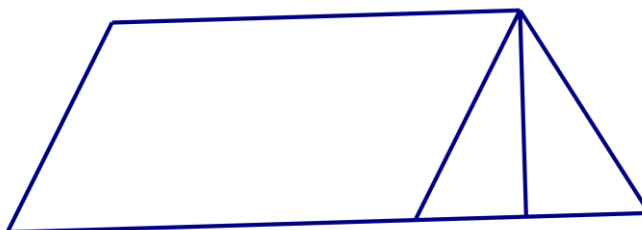
D/ 90

Câu 6: Hình sau có

A. 3 tứ giác

B. 4 tứ giác

C. 5 tứ giác



B. PHẦN TỰ LUẬN (4 đ)

Bài 1 (1 điểm): Đặt tính rồi tính

$60 - 32$

$26 + 39$

$73 + 17$

$100 - 58$

.....

...

.....

...

.....

...

.....
...

Bài 2 (1 điểm) : Tìm X:

a. $X + 37 = 82$

b. $X - 34 = 46$

.....
...
.....
...
.....
...
.....
...
.....
...
.....
...

Bài 3: (1 điểm) Mảnh vải màu xanh dài 35 dm, mảnh vải màu tím ngắn hơn mảnh vải màu xanh 17 dm. Hỏi mảnh vải màu tím dài bao nhiêu đề - xi – mét?

Bài giải

.....
...
.....
...
.....
...
.....
...

Bài 4 (1 điểm): Tính hiệu, biết số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số và số trừ là 90.

Bài giải

.....
...

.....

...

.....

...

.....

...

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

A/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

Khoanh đúng mỗi phần cho 1 điểm

Câu 1: A

Câu 2: C

Câu 3: B

Câu 4: A

Câu 5: C

Câu 6: A

B/ PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: (1 điểm) Tính đúng mỗi phép tính cho 0,25 điểm

Đ/s: 28; 65; 90; 42

Bài 2: (1 điểm) Tìm đúng mỗi số (0,5 điểm)

a. X= 45

b;. X= 80

Bài 3: (1 điểm) - Viết đúng câu lời giải (0,25 điểm) **Mảnh vải tím dài là:**

- Viết phép tính đúng (0,5 điểm) **$34 - 17 = 17$ (dm)**

- Viết đáp số đúng (0,25 điểm) **Đ/s: 17 dm**

Bài 4: (1 điểm) - Tìm đúng số bị trừ cho 0,25 điểm **Số bị trừ là 99**

- Viết đúng câu lời giải (0,25 điểm) **Ta có phép tính:**

- Viết phép tính đúng (0,25 điểm) **$99 - 90 = 9$**

- Viết đáp số đúng (0, 25 điểm) **Đ/s : 9**

ĐỀ SỐ 3

Bài 1 (2 điểm): Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

$7 + 8 = 15$ ☐

$68 - 18 + 14 = 64$ ☐

$43 - 7 = 34$ ☐

$13 - 8 + 27 = 32$ ☐

Bài 2 (1 điểm): Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a/ Kết quả của phép tính $4 + 8$ là:

A. 11

B. 12

C. 13

b/ Kết quả của phép tính $17 - 9$ là:

A. 7

B. 9

C. 8

Bài 3 (1 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a/ Số hình tam giác có trong hình bên là:

A. 2 hình

B. 3 hình

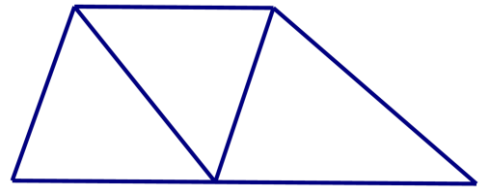
C. 4 hình

a/ Số hình tứ giác có trong hình bên là:

A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình



Bài 4 (2 điểm): Đặt tính rồi tính

$6 + 34$

$46 + 36$

$84 - 37$

$50 - 26$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5 (1 điểm): Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Thứ Hai tuần này là ngày 22 tháng 12. Vậy thứ Hai tuần sau là ngày tháng

Bài 6: (2 điểm)

Một cửa hàng buổi sáng bán được 45 lít dầu. Buổi chiều bán ít hơn buổi sáng 17 lít dầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu?

Bài 7: (1 điểm)

Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng các chữ số của nó bằng 15 là số.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

Bài 1: (2 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

$8 + 7 = 15$

Đ

$68 - 18 + 14 = 64$

Đ

$43 - 7 = 34$

S

$13 - 8 + 27 = 32$

Đ

Bài 2: (1 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

a/ B. 12

b/ C. 8

Bài 3: (1 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

a/ B. 3 hình

b/ B. 3 hình

Bài 4: (2 điểm) Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

$6 + 34$

$46 + 36$

$84 - 37$

$50 - 26$

Đáp án lần lượt là: 40, 82, 47, 24

Bài 5: (1 điểm) Điền đúng mỗi chỗ trống được 0,5 điểm

Ngày 29 tháng 12

Bài 6: (2 điểm)

Bài giải:

Buổi chiều cửa hàng bán được số lít dầu là: 0,5 điểm

$45 - 17 = 28 \text{ (lít)}$

1 điểm

Đáp số: 28 lít dầu

0,5 điểm

Bài 7: (1 điểm)

Số 96

ĐỀ 04

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a. 87; 88; 89;;;;; 94; 95

b. 82; 84; 86;;;;; 97; 98

Bài 2: Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

Đọc số	Viết số
Chín mươi sáu.	
.....	84

Bài 3: Tính nhẩm: (1 điểm)

a. $9 + 8 = \dots$

c. $2 + 9 = \dots$

b. $14 - 6 = \dots$

d. $17 - 8 = \dots$

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (1 điểm)

a. $8 + 9 = 16$

☐

b. $5 + 7 = 12$

☐

Bài 5: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. $57 + 26$

b. $39 + 6$

c. $81 - 35$

d. $90 - 58$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: (1 điểm)

a. $8 \text{ dm} + 10 \text{ dm} = \dots \text{ dm}$

A. 18 dm

B. 28 dm

C. 38 dm

b. Tìm x biết: $X + 10 = 10$

A. $x = 10$

B. $x = 0$

C. $x = 20$

Bài 7: (2 điểm)

a. Nhà bạn Mai nuôi 44 con gà. Nhà bạn Hà nuôi ít hơn nhà bạn Mai 13 con gà. Hỏi nhà bạn Hà nuôi bao nhiêu con gà? (1 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

b. Em hái được 20 bông hoa ,chị hái được nhiều hơn em 5 bông hoa .Hỏi chị hái được mấy bông hoa ? (1 điểm)

.....

.....

.....

.....

Đáp án đề 4

- 1) Viết đáp án đúng mỗi câu 0,5đ
- 2) Viết đúng mỗi ô 0,5đ
- 3) Viết đúng mỗi ô 0,25
- 4) a. Đ b. S
- 5) Đặt tính đúng mỗi câu 0,5
- 6) a. A b. B
- 7) a) Số con gà nhà bạn Hà nuôi là: $44 - 13 = 31$ (con gà)
Đáp số: 31 con gà
b) Số bông hoa chị hái được là : $20 + 5 = 25$ (bông hoa)
Đáp số : 25 bông hoa

ĐỀ 05

Bài 1: Số ?

10, 20, 30,.....,.....,60,80,.....,100.

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ của từng phép tính

a, $12 - 8 = 5$

c, $17 - 8 = 9$

b, $24 - 6 = 18$

d, $36 + 24 = 50$

Bài 3: Đặt tính rồi tính:

$32 - 25$

$94 - 57$

$53 + 19$

$100 - 59$

.....
.....
.....
.....

Bài 4: Tìm x: a, $x + 30 = 80$

b, $x - 22 = 38$

.....
.....
.....
.....

Bài 5:

a, Tổ em trồng được 17 cây. Tổ bạn trồng được 21 cây. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây ?

.....
.....

.....

 b, Quyển truyện có 85 trang. Tâm đã đọc 79 trang. Hỏi Tâm còn phải đọc mấy trang nữa thì hết quyển truyện ?

Bài 6: Viết tiếp vào chỗ chấm

17 giờ hay.....giờ chiều

24 giờ haygiờ đêm

Bài 7: Xem tờ lịch tháng 5 dưới đây rồi trả lời câu hỏi:

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tháng 5		1	2	3	4	5	6
	7	8	9	10	11	12	13
	14	15	16	17	18	19	20
	21	22	23	24	25	26	27
	28	29	30	31			

- Ngày 19 - 5 là thứ -Trong tháng 5 có.... ngày chủ nhật. Đó là những ngày

- Tuần này, thứ năm là ngày 17. Tuần trước, thứ năm là ngày Tuần sau, thứ năm là ngày....

- Em được nghỉ học thứ bảy và chủ nhật. Vậy em đi học tất cả ngày.

Bài 8: Viết phép trừ có số bị trừ, số trừ và hiệu bằng nhau

.....
.....
Bài 9: Vẽ một đường thẳng và đặt tên cho đường thẳng đó.

.....
.....
ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 05

1) 10;20;30;40;50;60;70;80;90;100

2) a)S b)Đ c)Đ d)S

3)Đặt tính đúng mỗi câu được điểm tối đa

$$32-25=7 \quad 94-57=37 \quad 53+19=72 \quad 100-59=41$$

4)a) $x + 30 = 80$

$$x = 80 - 30$$

$$x = 50$$

b) $x - 22 = 38$

$$x = 38 + 22$$

$$x = 60$$

5)a) Số cây cả hai tổ trồng được là: $17 + 21 = 38$ (cây)

Đáp số : 38 cây

b) Số trang Tâm còn phải đọc là : $85 - 79 = 6$ (trang)

Đáp số : 6 trang

6) 17 giờ hay 5 giờ chiều

24 giờ hay 12 giờ đêm

7)-Ngày 19/5 là thứ bảy

- Trong tháng 5 có 4 ngày chủ nhật : Đó là các ngày 6;13;20;27

- Tuần trước thứ năm là ngày 10

- Tuần sau thứ năm là ngày 24

- Em được nghỉ học tất cả 8 ngày

8) $0 - 0 = 0$

9)

a

ĐỀ 06**Bài 1.** (2 điểm) Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a/ $39 + 6 = ?$

A. 44

B. 45

C. 46

D. 99

b/ $17 - 9 = ?$

A. 8

B. 9

C. 10

D. 12

c/ $98 - 7 = ?$

A. 28

B. 91

C. 95

D. 97

d/ $8 + 6 = ?$

A. 14

B. 15

C. 86

D. 68

Bài 2: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$27 + 69$

$14 + 56$

$77 - 48$

$63 - 45$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm x: (1 điểm)

$x + 20 = 48$

$x - 22 = 49$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Điền dấu > ; < ; = (1 điểm)

$13 + 29 \dots\dots 28 + 14$

$97 - 58 \dots\dots 32 + 5$

Bài 5: (1 điểm)

a/ Xem lịch rồi cho biết:

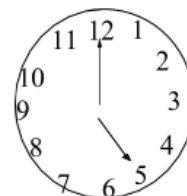
11	Thứ hai	7	14	21	28
	Thứ ba	1	8	15	22

	Thứ tư	2	9	16	23	30
	Thứ năm	3	10	17	24	
	Thứ sáu	4	11	18	25	
	Thứ bảy	5	12	19	26	
	Chủ nhật	6	13	20	27	

- Tháng 11 có ngày.

- Có ngày chủ nhật.

b. Đồng hồ chỉ mấy giờ?.....



Bài 6. (2 điểm)

a. Anh cân nặng 47 kg, em nhẹ hơn anh 19 kg. Hỏi em cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

b. Thùng bé đựng được 51 lít nước, thùng lớn đựng nhiều hơn thùng bé 19 lít nước. Hỏi thùng lớn đựng được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

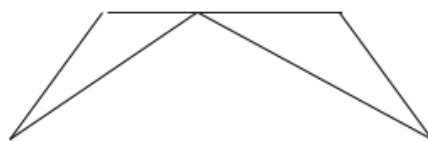
.....

Bài 7: (1điểm)

Trong hình bên :

a/ Có hình tam giác.

b/ Có hình tứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 06

Bài 1. a)B b)A c)B d)A

Bài 2. đặt tính đúng mỗi câu được 0,5đ

$$27+69=96 \quad 14+56=70 \quad 77-48=29 \quad 63-45=18$$

Bài 3. Tìm x

$$x+20=48$$

$$x=48-20$$

$$x=28$$

$$x-22=49$$

$$x=49+22$$

$$x=71$$

$$\text{Bài 4. } 13+29=28+12 \quad 97-58>32+5$$

Bài 5. a)- Tháng 11 có 30 ngày

- Có 4 ngày chủ nhật

b) Đồng hồ chỉ 5 giờ

Bài 6. a) Số ki lô gam em cân nặng là : $47 - 19 = 28$ (kg)

Đáp số : 28 kg

b) Số lít nước thùng lớn đựng là : $51 + 19 = 70$ (l nước)

Đáp số : 70 l nước

7) a) Có 3 tam giác b) Có 3 tứ giác

ĐỀ 07

Bài 1: (1 điểm)

Tính nhẩm:

$$16 + 3 = \dots \quad 14 - 8 = \dots$$

$$15 - 6 = \dots \quad 9 + 7 = \dots$$

Bài 2: (2 điểm)

Đặt tính rồi tính :

a) $35 + 44$

b) $46 + 25$

c) $80 - 47$

d) $39 - 16$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (1 điểm)

Số : ?

a) $16l + 5l - 10l =$

b) $24kg - 13kg + 4kg =$

Bài 4: (2 điểm)

Tìm X biết:

a) $X + 16 = 73$

b) $X - 27 = 57$

.....

.....

.....

.....

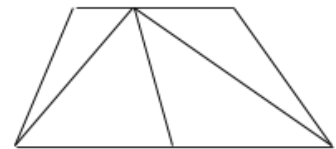
Bài 5: (1 điểm)

Nhận dạng hình :

Trong hình vẽ dưới đây:

a. Có ... hình tam giác.

b. Có ... hình tứ giác.

**Bài 6: (1 điểm)**

Điền số thích hợp để được phép tính đúng :

	+		=	100
--	---	--	---	-----

	-		=	50
--	---	--	---	----

Bài 7: (2 điểm)

a) Mẹ 34 tuổi, Cha hơn Mẹ 6 tuổi. Hỏi Cha bao nhiêu tuổi ?

Bài giải

.....

.....

.....

b) Anh Tùng học lớp 5 cân nặng 43 kg, bạn Tuấn học lớp 2 nhẹ hơn anh Tùng 15 kg. Hỏi bạn Tuấn cân nặng bao nhiêu kilôgam ?

Bài giải

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 07

1) $16 + 3 = 19$

$14 - 8 = 6$

$15 - 6 = 9$

$9 + 7 = 16$

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $35 + 44 = 79$

b) $46 + 25 = 71$

c) $80 - 47 = 33$

d) $39 - 16 = 23$

3) a) $161 + 51 - 101 = 111$ b) $24 \text{ kg} - 13 \text{ kg} + 4 \text{ kg} = 15 \text{ kg}$

4)

$x + 16 = 73$

$x - 27 = 57$

$x = 73 - 16$

$x = 57 + 27$

$x = 57$

$x = 84$

5) Có 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác

6) $60 + 40 = 100$

$87 - 37 = 50$

7) a) Số tuổi của Cha là : $34 + 6 = 40$ (tuổi)

Đáp số : 40 tuổi

b) Số kilogam cân nặng của Tuấn là: $43 - 15 = 28$ (kg)

Đáp số: 28 kg.

ĐỀ 08
ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN LỚP 2 – CUỐI KÌ I
Năm học 2017 – 2018

Câu 1: Nói phép tính với kết quả đúng: (1 điểm)

$$29 - 7$$

$$43 - 26$$

$$58$$

$$17$$

$$33$$

$$22$$

$$52 - 19$$

$$90 - 32$$

Câu 2: Xem tờ lịch tháng 9 rồi chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ chấm: (1 điểm)

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
9		1	2	3	4	5	6
	7	8	9	10	11	12	13
	14	15	16	17	18	19	20
	21	22	23	24	25	26	27
	28	29	30				

(tư, năm, sáu, bảy)

Ngày 5 tháng 9 là thứ

Câu 3: Tính (1 điểm)

$$18kg - 9kg =$$

$$37 + 5 =$$

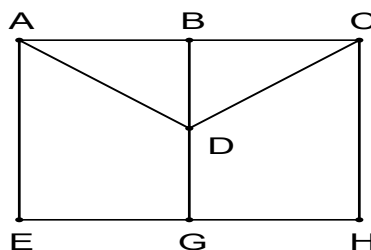
$$52l - 4l =$$

$$64cm + 8cm =$$

Câu 4: Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm: (1 điểm)

$$35 + 15 \dots 80 - 10 - 15$$

Câu 5: Quan sát hình rồi khoanh vào đáp án đúng: (1 điểm)



Trong hình vẽ trên có mấy hình tam giác?

A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5

hình

Câu 6: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

$24 + 16$

$37 + 55$

$97 - 9$

$51 - 28$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Điền Đ hoặc S vào ô trống: (1 điểm)

A. $100 - 80 = 20$

☐

B. $10 + 5 - 7 = 9$

☐

C. $30 + 20 = 50$

☐

D. $12 - 4 - 2 = 7$

☐

Câu 8: Tìm x: (1 điểm)

a, $x + 48 = 63$

b, $x - 24 = 16$

Câu 9: Nhà chú Ba nuôi 100 con gà. Nhà cô Tư nuôi ít hơn nhà chú Ba 17 con gà. Hỏi nhà cô Tư nuôi bao nhiêu con gà? (1 điểm)

Bài giải:

.....

.....

.....

Câu 10. Em hãy tính hiệu của số nhỏ nhất có hai chữ số và số lớn nhất có một chữ số.

(1 điểm)

.....

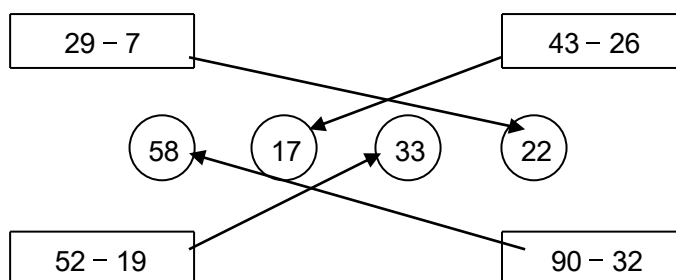
.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 08

Câu 1. (1 điểm: mỗi phép tính nối đúng 0,25 điểm)



Câu 2. (1 điểm)

Ngày 5 tháng 9 là thứ bảy.

Câu 3: (1 điểm: mỗi phép tính đúng 0,25 điểm)

$$18\text{ kg} - 9\text{ kg} = 9\text{ kg}$$

$$37 + 5 = 43$$

$$52\text{ l} - 4\text{ l} = 48\text{ l}$$

$$64\text{ cm} + 8\text{ cm} = 72\text{ cm}$$

Câu 4. (1 điểm) >

Câu 5. (1 điểm) B

Câu 6. (1 điểm: mỗi phép tính đúng 0,25 điểm)

$$\begin{array}{r} 24 \\ + 16 \\ \hline 40 \\ 51 \\ - 28 \\ \hline 23 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 55 \\ \hline 92 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 97 \\ - 9 \\ \hline 88 \end{array}$$

Câu 7. (1 điểm: mỗi ý đúng 0,25 điểm)

A- Đ; B-S; C- Đ; D - S

Câu 8. (1 điểm: mỗi câu đúng 0,5 điểm)

a, $x + 48 = 63$

$$x = 63 - 48$$

$$x = 15$$

b, $x - 24 = 16$

$$x = 16 + 24$$

$$x = 40$$

Câu 9. (1 điểm)

Bài giải:

Số con gà nhà cô Tư nuôi là:

(0,25 điểm)

$$100 - 17 = 83 \text{ (con gà)}$$

(0,5 điểm)

Đáp số: 83 con gà.

(0,25 điểm)

Câu 10. (1 điểm)

Số nhỏ nhất có hai chữ số là: 10 (0,25 điểm)

Số lớn nhất có một chữ số là: 9 (0,25 điểm)

Hiệu là: $10 - 9 = 1$ (0,5 điểm)

ĐỀ 9

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: TOÁN - KHỐI 2

Năm học: 2011– 2012

Thời gian: 60 phút.

Trường:

Lớp:

Họ và tên:

Bài 1. (2điểm) Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a/ $39 + 6 = ?$

A. 44

B. 45

C. 46

D. 99

b/ $17 - 9 = ?$

A. 8

B. 9

C. 10

D. 12

c/ $98 - 7 = ?$

A. 28

B. 91

C. 95

D. 97

d/ $8 + 6 = ?$

A. 14

B. 15

C. 86

D. 68

Bài 2: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$27 + 69$

$14 + 56$

$77 - 48$

$63 - 45$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm x: (1 điểm)

$x + 20 = 48$

$x - 22 = 49$

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Điền dấu > ; < ; = (1 điểm)

$13 + 29 \dots\dots 28 + 14$

$97 - 58 \dots\dots 32 + 5$

Bài 5: (1 điểm)

a/ Xem lịch rồi cho biết:

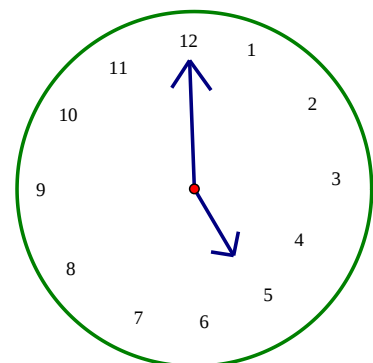
11	Thứ hai	7	14	21	28
	Thứ ba	1	8	15	22
	Thứ tư	2	9	16	23
	Thứ năm	3	10	17	24
	Thứ sáu	4	11	18	25
	Thứ bảy	5	12	19	26
	Chủ nhật	6	13	20	27

- Tháng 11 có ngày.

- Có ngày chủ nhật.

b. Đồng hồ chỉ mấy giờ?

.....



Bài 6. (2 điểm)

a. Anh cân nặng 47 kg, em nhẹ hơn anh 19 kg. Hỏi em cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

...

b. Thùng bé đựng được 51 lít nước, thùng lớn đựng nhiều hơn thùng bé 19 lít nước.

Hỏi thùng lớn đựng được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

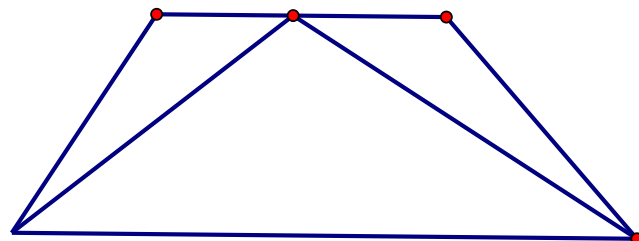
...

Bài 7: (1điểm)

Trong hình bên :

a/ Có hình tam giác.

b/ Có hình tứ giác.



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 09

Bài 1. a)B b)A c)B d)A

Bài 2. đặt tính đúng mỗi câu được 0,5đ

$$27+69=96 \quad 14+56=70 \quad 77-48=29 \quad 63-45=18$$

Bài 3. Tìm x

$$x+20=48$$

$$x=48-20$$

$$x=28$$

$$x-22=49$$

$$x=49+22$$

$$x=71$$

$$\text{Bài 4. } 13+29=28+12 \quad 97-58>32+5$$

Bài 5. a)- Tháng 11 có 30 ngày

- Có 4 ngày chủ nhật

b) Đồng hồ chỉ 5 giờ

Bài 6. a) Số ki log am em cân nặng là : $47 - 19 = 28$ (kg)

Đáp số : 28 kg

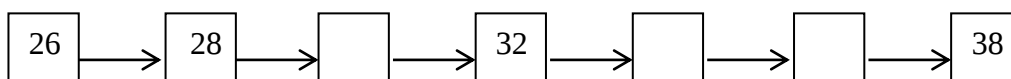
b) Số lít nước thùng lớn đựng là : $51 + 19 = 70$ (l nước)

Đáp số : 70l nước

7) a) Có 3 tam giác b) Có 3 tứ giác

ĐỀ 10

Bài 1: Số?



Bài 2: Nối mỗi số với cách đọc số đó:

35

40

99

16

Mười sáu

Ba mươi lăm

Bốn mươi

Chín mươi chín

Bài 3: Số ?

a) $(5) \xrightarrow{+8} \square$

c) $\square \xrightarrow{-9} (5)$

b) $(6) \xrightarrow{+9} \square$

d) $\square \xrightarrow{-8} (6)$

Bài 4: Đặt tính rồi tính:

$$47 + 35$$

.....
.....
.....

$$74 - 28$$

.....
.....
.....

$$47 + 23$$

.....
.....
.....

$$70 - 46$$

.....
.....
.....

Bài 5: Số?

a) $(36) \xrightarrow{+14} \square \xrightarrow{-20} \square$

b) $\square \xrightarrow{-30} \bigcirc \xrightarrow{+5} \square$

Bài 6: Giải toán:

- a) Băng giấy màu đỏ dài 75 cm, băng giấy màu xanh ngắn hơn băng giấy màu đỏ 27 cm. Hỏi băng giấy màu xanh dài bao nhiêu xăng-ti-met?

Bài giải

.....
.....
.....

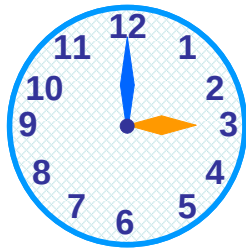
- b) Thùng bé đựng được 38 ℓ nước, thùng lớn đựng được nhiều hơn thùng bé là 22 ℓ nước. Hỏi thùng lớn đựng được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....
.....
.....

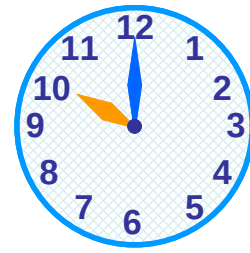
Bài 7: Viết số thích hợp vào ô trống:

a) Đồng hồ A chỉ.....giờ
chỉ.....giờ



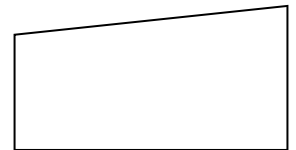
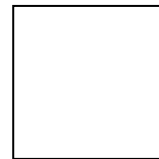
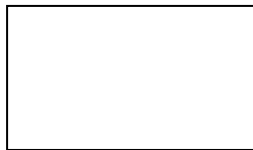
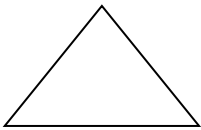
A

b) Đồng hồ B



B

Bài 8: Nối mỗi hình với tên gọi của hình đó:



Hình chữ nhật

Hình tam giác

Hình tứ giác

Hình vuông

Bài 9: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

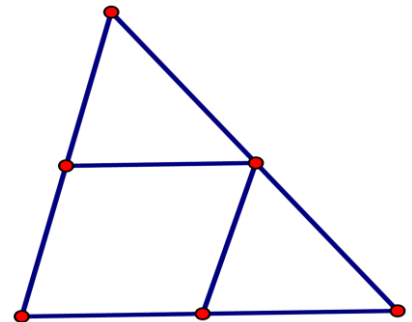
Trong hình vẽ bên:

a) Số tứ giác là:

A. 1 B. 2 C. 3

b) Số hình tam giác là:

A. 2 B. 3 C. 1



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 10

1) 26;28;30;32;34;36;38

2) 35: Ba mươi lăm 40: Bốn mươi

99: chín mươi chín 16: Mười sáu

3) a) $5+8=13$ c) $14-9=5$

b) $6+9=15$ d) $14-8=6$

4) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$47+35=82$ $47+23=70$

$74-28=46$ $70-46=24$

5) Số:

a) $36+14=50-20=30$

b) $72-30=42+5=47$

6) a) Số xen ti mét băng giấy màu xanh dài là: $72-27=48$ (cm)

Đáp số: 48 cm

b) Số lít nước thùng lớn đựng là : $38 + 22 = 60$ (1 nước)

Đáp số: 60 l nước

- 7) .a) 3 giờ b) 10 giờ
8) Học sinh tự nghĩ tên hình
9) .a) C b) B

ĐỀ 11

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

$8 + 4 = 13$ ☐

$15 - 9 = 6$ ☐

$7 + 9 = 16$ ☐

$13 - 6 = 8$ ☐

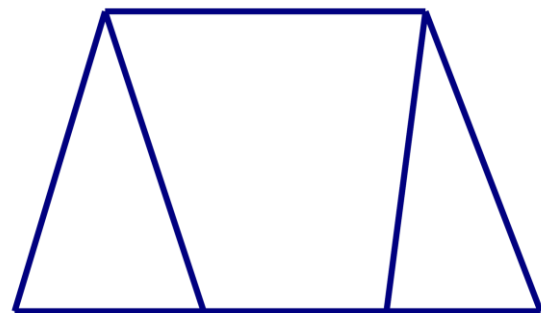
Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

a) Số hình tam giác có trong hình vẽ là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

b) Số hình tứ giác trong hình vẽ là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



Bài 3: Đặt tính rồi tính

$46 + 35$

$53 - 28$

$36 + 54$

$80 - 47$

.....
.....
.....
.....

$46 + 35 = \dots\dots$

$53 - 28 = \dots\dots$

$36 + 54 = \dots\dots$

$80 - 47 = \dots\dots$

Bài 4: Viết số liền trước, liền sau vào chỗ chấm thích hợp.

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
.....	25	
.....	90	

Bài 5: Lớp 2A trồng được 48 cây, lớp 2B trồng được nhiều hơn lớp 2A là 12 cây. Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

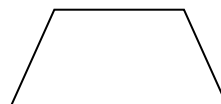
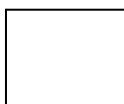
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Tìm x: $x - 12 = 47$

$x = \dots\dots\dots$

$x = \dots\dots\dots$

Bài 7: Nối mỗi hình với tên gọi của hình đó.



Hình vuông

Hình tứ giác

Hình chữ nhật

Hình vuông

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 11

1. $8+4 = 13$. S $15 - 9 = 6$ Đ
 $7+9 = 16$. Đ $13 - 6 = 8$. S
 2) a) B b) D
 3) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa
 $46+35=81$ $53-28=25$
 $35+54=90$ $80 - 47 = 33$
 4)

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
24	25	26
89	90	91

5) Số cây lớp 2B trồng được là: $48 + 12 = 60$ (cây)

Đáp số: 60 cây

$$x - 12 = 47$$

6) $x = 47 + 12$

$$x = 59$$

7) Học sinh tự nối

ĐỀ 12:

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

76, 78, 80, ..., 84, 86, ..., 90, ..., 96.

Bài 2: Viết số liền trước, liền sau vào chỗ chấm cho thích hợp.

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
.....	55	
.....	89	

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

a) $8 + 4 = 13$ ☐

b) $12 - 3 = 9$ ☐

c) $11 - 4 = 7$ ☐

d) $7 + 8 = 15$ ☐

Bài 4: Tìm x

$$x - 15 = 53$$

$$x = \dots\dots\dots$$

$$x = \dots\dots\dots$$

$$45 - x = 35$$

$$x = \dots\dots\dots$$

$$x = \dots\dots\dots$$

Bài 5: Đặt tính rồi tính

$$26 + 55$$

$$43 - 28$$

$$26 + 64$$

$$70 - 37$$

.....

$$26 + 55 =$$

$$43 - 28 =$$

$$26 + 64 =$$

$$70 - 37 =$$

Bài 6: Quang cân nặng 36 kg. Minh cân nặng hơn Quang 8 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

Bài làm

.....

.....

.....

.....

Bài 7: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng?

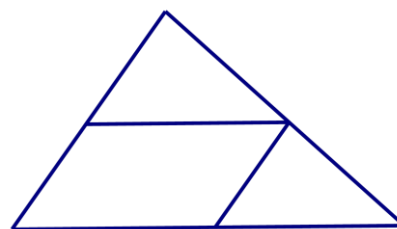
Trong hình vẽ bên:

a) Số hình tam giác là:

A. 3 B. 2 C. 1

b) Số hình tứ giác là:

A. 1 B. 2 C. 3



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 12

1);82;.....;88;.....;92;94;...

2)

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
54	55	56
88	89	90

3) .a) S b) Đ c) Đ d) Đ

4)

$$x - 15 = 53$$

$$x = 53 + 15$$

$$x = 68$$

$$45 - x = 35$$

$$x = 45 - 35$$

$$x = 10$$

5) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$26 + 55 = 81$$

$$43 - 28 = 15$$

$$26 + 64 = 90$$

$$70 - 37 = 33$$

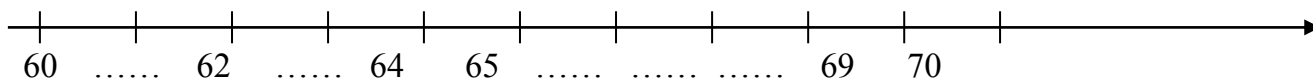
6) Số kilogam Minh cân nặng là: $36 + 8 = 44$ (kg)

Đáp số: 44 kg

7) .a) A b) C

ĐỀ 13
Trường Tiểu học Toàn Thắng Bài kiểm tra định kì CUỐI kì I
Năm học: 2010-2011

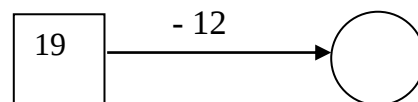
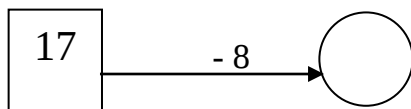
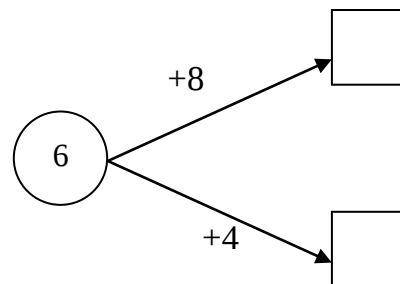
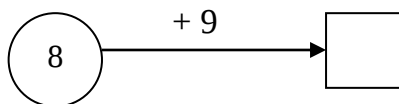
Câu 1: (0,5 điểm)



Câu 2: (0,5 điểm)

Đọc số	Viết số
Tám mươi tư	
.....	76

Câu 3: **Số** ? (1 điểm)



Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (1 điểm)

$$9 + 5 = 14 \quad \square$$

$$18 - 9 = 9 \quad \square$$

$$7 + 9 = 17 \quad \square$$

$$15 - 7 = 9 \quad \square$$

Câu 5: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$46 + 28$$

$$72 - 36$$

$$46 + 34$$

$$90 - 47$$

.....

Câu 6: Tìm **X** (1 điểm)

$$\mathbf{X} + 40 = 90$$

$$\mathbf{X} - 16 = 58$$

.....

.....

.....

.....

Câu 7 : Giải toán: (3 điểm)

a, Quang cân nặng 36 kg. Phong cân nặng hơn Quang 9 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

b, Một cửa hàng có 65 chiếc xe đạp, đã bán được 28 chiếc xe đạp . Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

.....

.....

.....

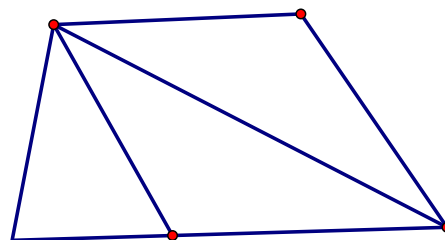
.....

Câu 8: (1 điểm)

Hình bên có:

-..... hình tứ giác.

-..... hình tam giác.



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 13

1)61.....63.....66;67;68;...;.....

2) Tám mươi tư: 84
Bảy mươi sáu: 76

3)

$$8+9=17$$

$$6+8=14$$

$$6+4=10$$

$$17-8=9$$

$$19-12=7$$

4)

$$9+5=14. \text{ Đ}$$

$$18-9=9. \text{ Đ}$$

$$7+9=17. \text{ S}$$

$$15-7=9. \text{ S}$$

5) Mỗi câu đặt tính đúng được tối đa 0,5đ

$$46+28=74$$

$$72-36=36$$

$$46+34=80$$

$$90-47=43$$

$$6)x + 40 = 90$$

$$x = 90 - 40$$

$$x = 50$$

$$x - 16 = 58$$

$$x = 58 + 16$$

$$x = 74$$

.7) a) Số kilogram Phong cân nặng là: $36 + 9 = 45$ (kg)

Đáp số: 45 kg

b) Số chiếc xe đạp cửa hàng còn lại là: $65 - 28 = 37$ (chiếc)

Đáp số : 37 chiếc

8) Hình bên có 2 tứ giác, 4 tam giác

ĐỀ 14

Môn: TOÁN – Lớp Hai

Thời gian làm bài: 35 phút (Không kể thời gian giao đề)

Bài 1: Tính: (2,5 điểm)

a/ $8 + 4 = \dots$

$7 + 9 = \dots$

$15 - 9 = \dots$

$13 - 6 = \dots$

b/ $16 + 5 - 10 = \dots$ $24 - 13 + 4 = \dots$

$51 - 19 - 5 = \dots$

Bài 2: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$47 + 25$$

$$93 - 28$$

$$56 + 34$$

$$100 - 47$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tính x (1,5 điểm):

$$x + 18 = 42$$

$$x - 32 = 58$$

$$60 - x = 16$$

.....

.....

.....

.....

Bài 4 Xem tờ lịch tháng 12 dưới đây rồi trả lời câu hỏi: (1 điểm)

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tháng 12			1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10	11	12
	13	14	15	16	17	18	19
	20	21	22	23	24	25	26
	27	28	29	30	31		

a/ Có ngày thứ bảy. Đó là các ngày

.....

b/ Ngày 23 tháng 12 là thứ
c/ Tháng 12 có ngày.

Bài 5: a/ Một cửa hàng có 85 chiếc xe đạp, đã bán được 27 chiếc xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?(1 đ)

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

b/ Mẹ vắt được 67 lít sữa bò, chị vắt được 33 lít sữa bò. Hỏi mẹ và chị vắt được bao nhiêu lít sữa bò? (1 đ)

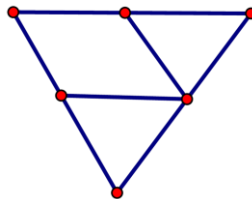
Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6 (1 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a/ Số hình tam giác là:

- A/ 3 hình
- B/ 2 hình
- C/ 1 hình



b/ Số hình tứ giác là:

- A/ 2 hình
- B/ 3 hình
- C/ 4 hình

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 14

- 1) .a) $8+4=12$ $7+9=16$ $15-9=6$ $13-6=7$
b) $16+5-10=11$ $24-13+4=15$ $51-19-5=27$

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$\begin{array}{ll} 47+25=72 & 93-28=65 \\ 56+34=90 & 100-47=53 \end{array}$$

3)

$$x+18=42$$

$$x=42-18$$

$$x=24$$

$$x-32=58$$

$$x=58+32$$

$$x=90$$

$$60-x=16$$

$$x=60-16$$

$$x=44$$

.....
.....
Bài 5:(1 điểm) *Tìm x, biết:*

$$a/ x + 37 = 73$$

$$b/ 42 - x = 30$$

.....
.....
.....

Bài 6: (2 điểm) *Bài giải.*

Thùng gạo tẻ có 53 kg, Thùng gạo nếp có ít hơn thùng gạo tẻ 8 kg. Hỏi thùng gạo nếp có bao nhiêu ki - lô - gam?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 7. (1 điểm) *Tính nhanh:*

$$48 + 49 - 9 - 8$$

.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 15

- 1) .a) B b)C c)D d)C
- 2) .a) $42+15 > 55$ b) $100 - 67 < 43$
c) 8 giờ tối còn gọi là 20 giờ
d) Thứ Bảy tuần sau là ngày 8 tháng 1.
- 3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ
- a) $36+28 = 64$ b) $75 - 37 = 38$
c) $100 - 73 = 27$ d) $29 + 17 = 46.$

4) Tính

a) $48 + 25 - 38 = 73 - 38 = 35$

b) $100 - 38 + 15 = 62 + 15 = 77$

Bài 5

a) $x + 37 = 73$

$x = 73 - 37$

$x = 36$

b) $42 - x = 30$

$x = 42 - 30$

$x = 12$

Bài 6. Số kilogram thùng gạo nếp có là: $53 - 8 = 45$ (kg gạo)

Đáp số: 45 kg gạo

7) $48 + 49 - 9 - 8 = (48 - 8) + (49 - 9) = 40 + 40 = 80$

ĐỀ 16

Bài 1. (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ trống:

a/ 62, 63, 64,;;;;, 70.

b/ 40, 42, 44,;;;;, 56.

Bài 2. (2 điểm) Điền chữ số thích hợp vào ô trống:

$$\begin{array}{r} 31 \\ + \\ \square 6 \\ \hline 77 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 7 \\ + \\ 42 \\ \hline 79 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83 \\ - \\ \square 8 \\ \hline 65 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 97 \\ - \\ 2 \square \\ \hline 76 \end{array}$$

Bài 3. (1 điểm) Mỗi số 7, 8 là kết quả của phép tính nào?

15 - 8

7

17 - 9

8

15 - 7

16 - 9

16 - 8

Bài 4. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

36 + 43

88 - 65

27 + 15

80 - 46

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Bài 5. (1 điểm) Tìm x:

a/ $x - 24 = 34$

b/ $25 + x = 84$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....

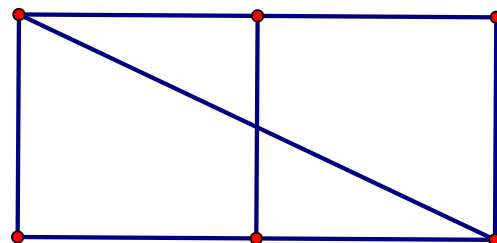
Bài 6. (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $2\text{dm} = \dots\dots\dots \text{cm}$
 $30\text{cm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

b/ $9\text{dm} = \dots\dots\dots \text{cm}$
 $70\text{cm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

Bài 7. (1 điểm) Trong hình bên:

- a/ Có mấy hình tam giác ?.....hình.
b/ Có mấy hình tứ giác ?.....hình.



Bài 8. (1 điểm) Năm nay bố 31 tuổi, con kém bố 25 tuổi. Hỏi năm nay con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 9. Lần đầu cửa hàng bán được 25lít nước mắm, lần sau bán được 12 lít nước mắm. Hỏi cả hai lần cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm? (1 điểm).

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 16

- 1) a) ...;...;...;65;66;67;68;69;...
b) ...;...;...;46;48;50;52;54;...
- 2) $31 + 46 = 77$ $37 + 42 = 79$
 $83 - 18 = 65$ $97 - 21 = 76$.
- 3) $15 - 8 = 7$ $17 - 9 = 8$ $16 - 8 = 8$
 $16 - 9 = 7$ $15 - 7 = 8$
- 4) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,25đ
 $36 + 43 = 79$ $88 - 65 = 23$
 $27 + 15 = 42$ $80 - 46 = 34$
- 5)
a) $x - 24 = 34$ $25 + x = 84$
 $x = 34 + 24$ $x = 84 - 25$
 $x = 58$ $x = 59$
- 6) a) $2 \text{ dm} = 20 \text{ cm}$ b) $9 \text{ dm} = 90 \text{ cm}$
 $30 \text{ cm} = 3 \text{ dm}$ $70 \text{ cm} = 7 \text{ dm}$.
- 7) a) Có 4 hình tam giác
b) Có 5 hình tứ giác
8) Số tuổi của con là : $31 - 25 = 6$ (tuổi)
Đáp số: 6 tuổi
- 9) Số lít nước mắm cả hai lần bán được là: $25 + 12 = 37$ (l nước mắm)
Đáp số: 37 l nước mắm

ĐỀ 17

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) $8 + 7 = 15$ ☐

b) $9 + 5 = 16$ ☐

c) $12 - 3 = 9$ ☐

d) $11 - 4 = 7$ ☐

Câu 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Chủ nhật tuần này là ngày 19 tháng 8. Chủ nhật tuần sau là ngày nào?

A. Ngày 12 tháng 8

B. Ngày 26 tháng 8

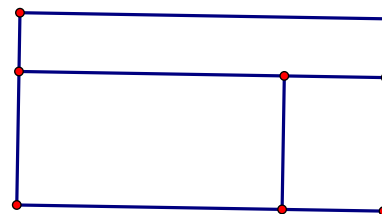
Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

Số hình chữ nhật có trong hình vẽ là:

a) 3

b) 4

c) 5



Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Một bao gạo chứa 5 chục ki lô gam gạo. Từ bao gạo đó lấy ra 3 kg gạo thì trong bao còn lại bao nhiêu ki lô gam gạo?

a) 20 kg ☐

b) 47 kg ☐

II-Tự luận (8 điểm)

Câu 5: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$47 + 35$$

$$74 - 28$$

$$47 + 23$$

$$70 - 46$$

Câu 6: (2 điểm)

Con lợn cân nặng 32 kg. Con chó nhẹ hơn con lợn 17kg. Hỏi con chó cân nặng bao nhiêu ki lô gam?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 7: Tìm x: (2 điểm)

a) $x + 27 = 45$

b) $x - 27 = 45$

.....

..

.....

.

c) $45 - x = 27$

d) $25 + x = 18 + 52$

.....

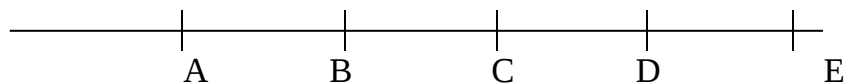
.....

.....

.....

Câu 8: (1 điểm)

Hình vẽ sau có bao nhiêu đoạn thẳng?



Trả lời:

.....

Câu 9 : (1 điểm)

Hãy viết 2 phép trừ có hiệu bằng số trừ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 17

1) .a) Đ b) S c) Đ d) Đ

2) B

3) C

4) .a) S b)Đ

II. TỰ LUẬN

5) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$47+35=82 \qquad 74-28=46$$

$$47+23=70 \qquad 70-46=24$$

6) Số kilogam con chó cân nặng là: $32-17=15$ (kg)

Đáp số: 15 kg

7)

$$a) x+27=45$$

$$x=45-27$$

$$x=18$$

$$c) 45-x=27$$

$$x=45-27$$

$$x=18$$

$$b) x-27=45$$

$$x=45+27$$

$$x=72$$

$$d) 25+x=18+52$$

$$25+x=70$$

$$x=70-25$$

$$x=45$$

8) Hình vẽ có 10 đoạn thẳng

$$9) 18-9=9 \qquad 24-12=12$$

ĐỀ 18

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 78;79;80;.....89;

b) 76;78;80; 90

c) 100;95;90;.....15.

Bài 2: Viết số liền trước,liền sau vào chỗ chấm thích hợp :

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	25	
	60	
	99	

Bài 3:Số?

a)

Số hạng	9	7
Số hạng	6	7
Tổng		

b)

Số bị trừ	13	15
Số trừ	7	8
Hiệu		

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $9 + 7 = 17$ ☐

c) $13 - 8 = 6$ ☐

b) $16 - 9 = 7$ ☐

d) $8 + 9 = 17$ ☐

Bài 5: Đặt tính rồi tính :

$46 - 35$

$53 - 28$

$36 + 54$

$80 - 47$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

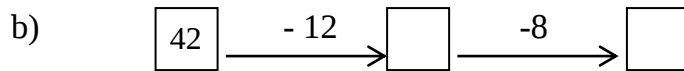
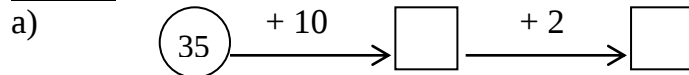
.....

.....

.....

.....

Bài 6: Số ?



Bài 7: Giải toán:

- a) Anh Hoàng cân nặng 46 kg. Minh cân nhẹ hơn anh Hoàng 18 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....
.....
.....

- b) Một cửa hàng , ngày đầu bán được 35 chiếc xe đạp, ngày thứ hai bán được 16 chiếc xe đạp. Hỏi cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài giải:

.....
.....
.....

Bài 8: Viết tiếp vào tờ lịch tháng 2 (năm thường) dưới đây rồi trả lời câu hỏi:

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
2							1
			4				
	9					14	
		17					22
			25			28	

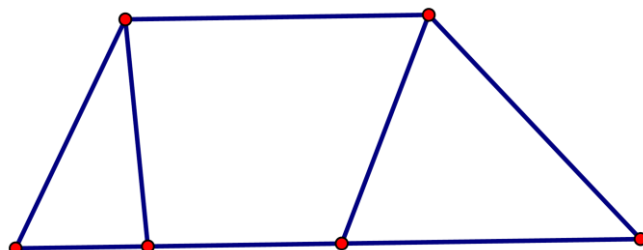
Trong tháng 2:

- a) Có ngày thứ năm
- b) Các ngày thứ năm là:.....
- c) Ngày 17 tháng 2 là ngày thứ :.....
- d) Có tất cảngày

Bài 9: Viết số thích hợp vào chỗ trống

Hình vẽ bên có:

- a) Cótam giác.
- b) Cótứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 18

- 1) a);81;82;83;84;85;86;87;88;
- b);82;84;86;88
- c).....;85;80;75;70;65;60;55;50;45;40;35;30;25;20;.....
- 2)

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
24	25	26
59	60	61
98	99	100

3)Số

Số hạng	9	7
Số hạng	6	7
Tổng	15	14

Số bị trừ	13	15
Số trừ	7	8
Hiệu	6	7

- 4) a) S b)Đ c)S d)Đ

5) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$\begin{array}{l} 46 - 35 = 11 \qquad 53 - 28 = 25 \\ 36 + 54 = 90 \qquad 80 - 47 = 33 \end{array}$$

- 6) .a) $35 + 10 = 45 + 2 = 47$

b) $42 - 12 = 30 - 8 = 22$

7) a) Số kilogram Minh cân nặng là: $46 - 18 = 28$ (kg)

Đáp số: 28 kg

b) Số chiếc xe đạp ca hai ngày bán được là: $35 + 16 = 51$ (chiếc xe đạp)

Đáp số: 51 chiếc xe đạp

8) Viết tờ lịch học sinh tự viết

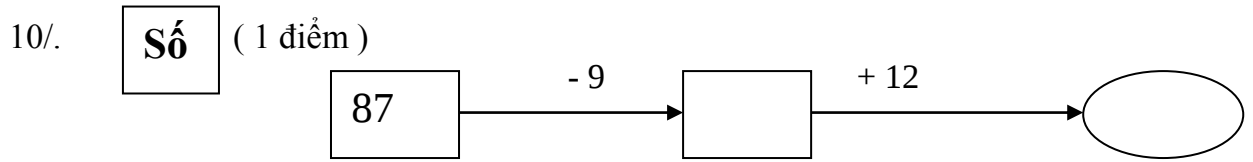
a) Có 4 ngày thứ năm
b) Các ngày thứ năm là: 5;12;19;26
c) Ngày 17 tháng 2 là thứ ba
d) Có tất cả 28 ngày

9) Có 2 tam giác, 4 tứ giác .

Phần I. Khoanh tròn vào chữ trước câu trả lời đúng nhất (6 điểm)

12	Chủ nhật	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
				1	2	3	4
	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28	29	30	31	

- Ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 12 là ngày :
.....
- Ngày 31 tháng 12 là ngày thứ mấy :
.....



11/. Bài toán : (2 điểm)

Cái bàn cao 95 cm . cái ghế thấp hơn cái bàn 46 cm . Hỏi cái ghế cao bao nhiêu xen- ti-mét ?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

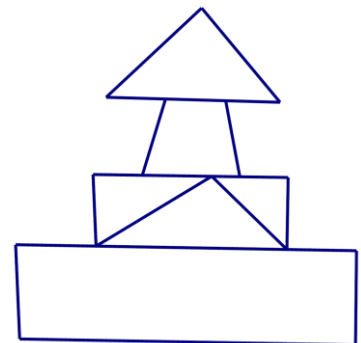
.....

.....

12/. Viết số thích hợp vào chỗ chấm : (1 điểm)

Hình vẽ bên có :

-hình tam giác
-hình tứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 21

I. TRẮC NGHIỆM

1.B 2.C 3.C 4.C 5.C 6.C

PHẦN II. TỰ LUẬN

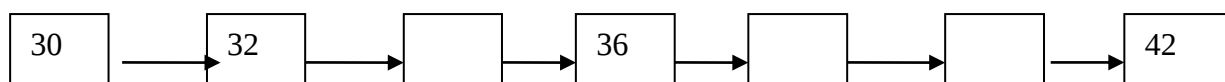
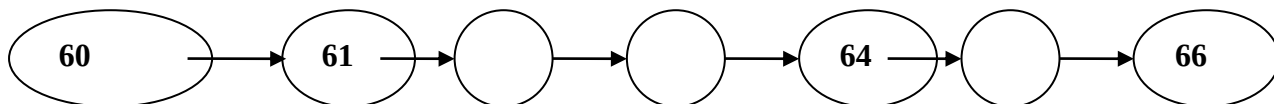
- 7) $52 \text{ kg} + 18 \text{ kg} + 16 \text{ kg} = 70 \text{ kg} + 16 \text{ kg} = 86 \text{ kg}$
 $25 \text{ m} + 15 \text{ m} + 40 \text{ m} = 40 \text{ m} + 40 \text{ m} = 80 \text{ m}$
- 8) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ
 a) $34 + 28 = 62$ b) $100 - 46 = 54$
- 9) –Ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 12 là ngày 25
 - Ngày 31 tháng 12 là ngày thứ Sáu
- 10) $87 - 9 = 78 + 12 = 90$
- 11) Số xen ti mét cái ghế cao hơn cái bàn là : $95 - 46 = 49 \text{ (cm)}$
 Đáp số: 49 cm
- 12) Hình bên có 4 tam giác, 5 tứ giác

ĐỀ 22

1. a) Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm: (0,5 điểm)

Đọc số	Viết số
Tám mươi tám	
.....	66

b). Số? (0,5điểm)



2. (2điểm) :

a) Tính rồi ghi kết quả vào chỗ chấm :

$9 + 7 = \dots\dots\dots$; $16 - 7 = \dots\dots\dots$; $9 + 6 = \dots\dots\dots$; $17 - 9 = \dots\dots\dots$

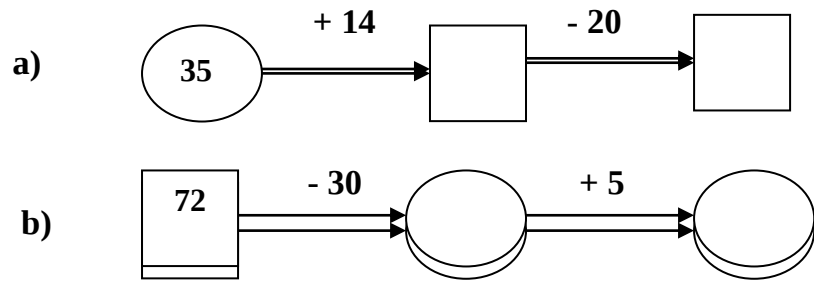
b) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào :

$7 + 8 = 15$; $12 - 3 = 9$; $8 + 4 = 13$; $11 - 4 = 7$

3. Đặt tính rồi tính: (2điểm)

$45 + 27$	$64 - 38$	$33 + 47$	$80 - 36$
.....			
.....			
.....			

4. Số? (1điểm)



5. Giải toán: (2điểm)

a) Băng giấy màu đỏ dài 75 cm, băng giấy màu xanh ngắn hơn băng giấy màu đỏ 27 cm . Hỏi băng giấy màu xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

Bài giải :

.....

b) Bình nhỏ đựng 15 l nước, bình to đựng nhiều hơn bình nhỏ 9 l. Hỏi bình nước to đựng bao nhiêu lít nước ?

Bài giải :

.....

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

Hình vẽ bên:

a) Có.....hình tam giác.

b) Có.....hình tứ giác



7. Điền số thích hợp vào ô trống để được phép tính đúng: (1 điểm)

	+		=	
--	---	--	---	--

	-		=	
--	---	--	---	--

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 22

- 1) .a) Tám mươi tám : 88 Sáu mươi sáu: 66
b) ...;...62;63;...;65;...
...;...;34;...;38;40;...
2) .a) $9+7=16$ $16-7=9$ $9+6=15$ $17-9=8$
b) $7+8=15$. Đ $8+4=13$.S
 $12-3=9$ Đ $11-4=7$. Đ
3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ
 $45+27=72$ $64-38=26$
 $33+47=80$ $80-36=44$
4) Số
a) $35+14=49-20=29$
b) $72-30=42+5=47$
5) .a) Số xăng ti mét băng giấy màu xanh dài là:
 $75-27=48$ (cm)
Đáp số : 48 cm
b) Số lít nước bình to đựng là : $15+9=24$ (l nước)
Đáp số : 24 l nước
6) Có 3 tam giác, 3 tứ giác

ĐỀ 23

I/Trắc nghiệm (3 ĐIỂM): Mỗi bài tập dưới đây có 4 phương án trả lời (là đáp số, kết quả tính, ...). Em hãy chọn phương án trả lời đúng.

1. Số 59 đọc là:

- A. Năm chín B. Năm mươi chín C. Chín năm D. Chín mươi lăm

2. Ngày 22 tháng 12 năm 2008 là thứ Hai. Ngày đầu tiên của năm 2009 là thứ mấy?

- A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Tư D. Thứ Năm

3. Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là:

- A. 99 B. 89 C. 98 D. 100

4. 92 bằng tổng của hai số nào trong các cặp số sau đây?

- A. 32 và 50 B. 55 và 47 C. 37 và 55 D. 55 và 47

5. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu tứ giác ?



- A. 2 B. 3
C. 4 D. 5

6. An có 8 viên bi. Hùng có nhiều hơn An 2 viên bi. Hỏi Hùng có bao nhiêu viên bi?

A. 10

B. 10 viên bi

C. 10 (viên bi)

D. 6 viên bi

II/ PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**Bài 1 (3 điểm):** Đặt tính rồi tính

36 + 47	100 - 65	47 + 37	94 - 57

Bài 2 (1 điểm): Tìm a, biết:

37 + a = 81	63 - a = 25

Bài 3 (2 điểm): Một khu vườn có 100 cây đào, sau khi bán đi một số cây đào thì khu vườn còn lại 37 cây đào. Hỏi đã bán bao nhiêu cây đào?**Bài giải:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 (1 điểm):

Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng vào hình bên để có 1 hình tam giác và 2 hình tứ giác.

Đọc tên các hình đó?

.....

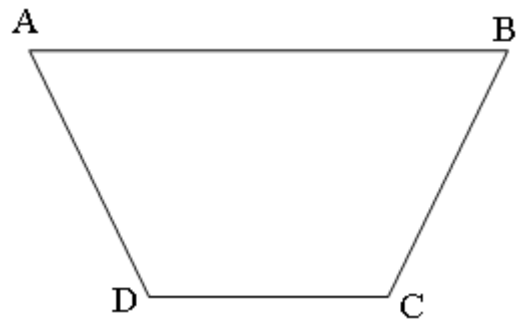
.....

.....

.....

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 23****I. TRẮC NGHIỆM**

1.B 2.D

3.C

4.C

5.B

6.C

II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,75đ

36 + 47 = 83

100 - 65 = 35

47 + 37 = 84

94 - 57 = 37

2) Tìm a, biết

$$37 + a = 81$$

$$a = 81 - 37$$

$$a = 44$$

$$63 - a = 25$$

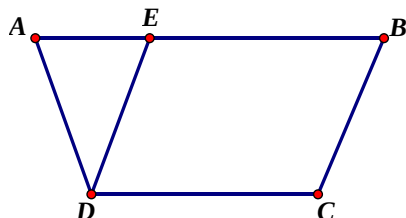
$$a = 63 - 25$$

$$a = 38$$

3) Số cây đào đã bán đi là: $100 - 37 = 63$ (cây đào)

Đáp số: 63 cây đào

4)



Tam giác : ADE

Tứ giác: ABCD, EBCD

ĐỀ 24

1.(1 điểm): Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a/ 78 ; 79 ; 80 ;; 85

b/ 76 ; 78 ; 80 ;; 90

2.(1 điểm): Viết số liền trước, liền sau vào chỗ chấm cho thích hợp:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
.....	25	
.....	90	

3.(1 điểm): Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a/ $9 + 7 = 17$ ☐

b/ $13 - 8 = 6$ ☐

c/ $16 - 9 = 7$ ☐

d/ $8 + 9 = 17$ ☐

4.(2 điểm): Đặt tính rồi tính :

31 + 15	53 - 28	36 + 26	100 - 36

5.(1 điểm): Tìm x:

$$89 - x = 36$$

$$x + 6 = 45$$

.....

.....

.....

.....

.....

6.(1điểm): Lớp 2A có 26 học sinh, lớp 2B có nhiều hơn lớp 2A 6 học sinh. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu học sinh?

Giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7.(2điểm): Xem tờ lịch tháng 2 dưới đây rồi trả lời câu hỏi :

Tháng	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
2				1	2	3	4
	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28				

Trong tháng 2:

a. Có ngày thứ năm.

b. Các ngày thứ năm

là:.....

c. Ngày 17 tháng hai là ngày thứ

:.....

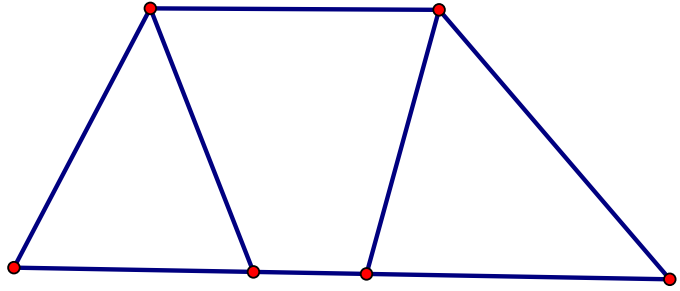
d. Có tất cả ngày.

8.(1điểm): Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình vẽ bên :

a. Có hình tam giác

b. Có hình tứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 24

1) a);....;....;81;82;83;84;....

b);....;....;82;84;86;88;...

2)

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
24	25	26
89	90	91

3) a) $9 + 7 = 17$. S

b) $13 - 8 = 6$. S

c) $16 - 9 = 7$. Đ

d) $8 + 9 = 17$. Đ

4) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$31 + 15 = 46$$

$$53 - 28 = 25$$

$$36 + 26 = 62$$

$$100 - 36 = 64$$

$$5) 89 - x = 36$$

$$x + 6 = 45$$

$$x = 89 - 36$$

$$x = 45 - 6$$

$$x = 53$$

$$x = 39$$

6) Số học sinh lớp 2B là : $26 + 6 = 32$ (học sinh)

Đáp số : 32 học sinh

7) a) Có 4 ngày thứ năm

b) Các ngày thứ năm là : 1; 8; 15; 22

c) Ngày 17 tháng 2 là ngày thứ bảy

d) Có tất cả 28 ngày

8) Có 2 tam giác, có 4 tứ giác.

ĐỀ 25

Bài 1: ?
36, 38, ..., 42, ..., ...,, 50.

Bài 2: Nối phép tính với kết quả của phép tính đó

$$6 + 9$$

$$16$$

$$17 - 9$$

$$13$$

$$6 + 7$$

$$15$$

$$9 + 7$$

$$8$$

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a) $9 + 7 = 16$

b) $18 - 9 = 13$

c) $18 - 9 = 10$

d) $15 - 4 = 11$

Bài 4: Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng

$$28 + 4 = ?$$

A . 68

B . 23

C. 32

D. 32m

Bài 5: Đặt tính rồi tính

$$26 + 35$$

$$26 + 59$$

$$75 - 17$$

$$60 - 43$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6 : Tìm x

$$x + 17 = 24$$

$$45 - x = 19$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7 : Một cửa hàng buổi sáng bán được 74 kilô gam đường, buổi chiều bán ít hơn buổi sáng 15 kilô gam đường. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu kilô gam đường?

Bài giải :

b . Bình nhỏ đựng 14lít nước, bình lớn đựng nhiều hơn bình nhỏ 6lít nước. Hỏi bình lớn đựng bao nhiêu lít nước ?

Bài giải :

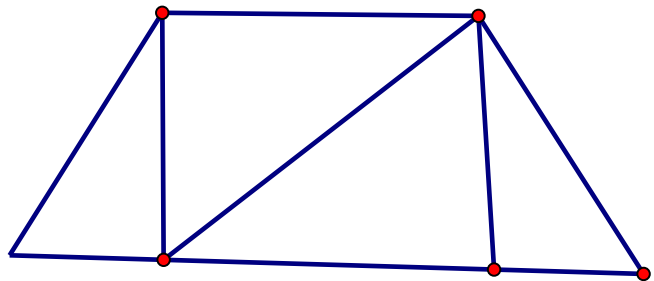
Tóm tắt.....

Bài 8: Viết số thích hợp vào chỗ trống

Hình vẽ bên

a . Có tam giác.

b . Có tứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 25

1) ...;...;40;...;44;46;48

2) $6+9=15$

$17-9=8$

$6+7=13$

$9+7=16$

3) .a)Đ

b) S

c) S

d) Đ

4) C

5) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$26+35=61$

$26+59=85$

$75-17=58$

$60-43=17$

6) $x+17=24$

$45-x=19$

$x=24-17$

$x=45-19$

$x=7$

$x=26$

7)a) Số kilogam đường, buổi chiều cửa hàng bán là: $74-15=59$ (kg đường)

Đáp số: 59 kg đường

b) Số lít nước bình lớn đựng là: $14+6=20$ (l nước)

Đáp số: 20 l nước

8) a) có 5 tam giác

b) có 4 tứ giác .

ĐỀ 26

Bài 1: (1 điểm)

Tính nhẩm:

$16 + 3 = \dots\dots$

$14 - 8 = \dots\dots$

$15 - 6 = \dots\dots$

$9 + 7 = \dots\dots$

Bài 2: (2 điểm)

Đặt tính rồi tính :

a) $35 + 44$

b) $46 + 25$

c) $80 - 47$

d) $39 - 16$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (1 điểm)

Số : ?

a) $16\text{l} + 5\text{l} - 10\text{l} =$

b) $24\text{kg} - 13\text{kg} + 4\text{kg} =$

Bài 4: (2 điểm)

Tìm X biết:

a) $X + 16 = 73$

b) $X - 27 = 57$

.....

.....

.....

.....

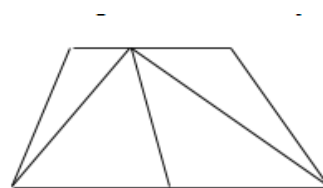
Bài 5: (1 điểm)

Nhận dạng hình :

Trong hình vẽ dưới đây:

c. Có ... hình tam giác.

d. Có ... hình tứ giác.



Bài 6: (1 điểm)

Điền số thích hợp để được phép tính đúng :

	+		=	100
--	---	--	---	-----

	-		=	50
--	---	--	---	----

Bài 7: (2 điểm)

a) Mẹ 34 tuổi, Cha hơn Mẹ 6 tuổi. Hỏi Cha bao nhiêu tuổi ?

Bài giải

.....

.....

.....
.....
.....
b) Anh Tùng học lớp 5 cân nặng 43 kg, bạn Tuấn học lớp 2 nhẹ hơn anh Tùng 15 kg. Hỏi bạn Tuấn cân nặng bao nhiêu kilôgam ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 26

1) $16 + 3 = 19$

$14 - 8 = 6$

$15 - 6 = 9$

$9 + 7 = 16$

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $35 + 44 = 79$

b) $46 + 25 = 71$

c) $80 - 47 = 33$

d) $39 - 16 = 23$

3) a) $16\text{ l} + 5\text{ l} - 10\text{ l} = 21\text{ l} - 10\text{ l} = 11\text{ l}$

b) $24\text{ kg} - 13\text{ kg} + 4\text{ kg} = 11\text{ kg} + 4\text{ kg} = 15\text{ kg}$

4) a) $x + 16 = 73$

b) $x - 27 = 57$

$x = 73 - 16$

$x = 57 + 27$

$x = 57$

$x = 84$

5) c) Có 5 tam giác

d) có 3 tứ giác

6) $70 + 30 = 100$

$95 - 45 = 50$

7)

a) Số tuổi của cha là : $34 + 6 = 40$ (tuổi)

Đáp số: 40 tuổi

b) Số kilogam bạn Tuấn nặng là : $43 - 15 = 28$ (kg)

Đáp số: 28 kg

ĐỀ 27

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Bài 1 : Khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập sau:

a) Tìm x , biết $9 + x = 16$

A. $x = 9$

B. $x = 8$

C. $x = 7$

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

A. $55 + 35$

B. 23 + 77

C. $69 + 30$

c) Kết quả tính $12 - 2 - 6$ bằng kết quả phép trừ nào dưới đây?

A. 12 - 8

B. 12 - 7

C. 12 - 6

d) Điền dấu $>$, $<$ = ?

 $7 + 6 + 3 \square 7 + 9 + 0$

15 - 8 - 5 ☐ **13 - 8 - 2**

đ) Đúng ghi đ, sai ghi s

Tháng 12 có 30 ngày

7

Từ 7 giờ đến 8 giờ là 60 phút

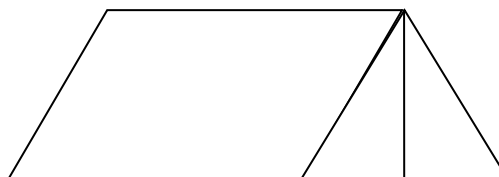
7

e) Hình sau có

A. 3 tứ giác

B. 4 tứ giác

C. 5 tứ giác



PHẦN TƯ LUẬN

Bài 2: Đặt tính rồi tính

50 - 32

$$46 + 39$$
 $83 + 17$

93 - 9

100 - 68

[illegible]

Bài 3 : Tính

36 + 18 - 45 =

$$76 - 29 + 8$$

[illegible][illegible]

Bài 4 : *Tìm X :*

$$42 - X = 24$$
$$X - 24 = 56$$
[illegible]

[illegible][illegible]

Bài 6: Tính hiệu biết số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số và số trừ là 90

[illegible]

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 27

Phần trắc nghiệm

- 1) a) C b) B c) A
 d) $7+6+3=7+9+0$ $15-8-5=13-8-2$
 đ) Tháng 12 có 30 ngày: S Từ 7 giờ đến 8 giờ là 60 phút : Đ
 e) A

Bài 3. Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$50 - 32 = 18 \qquad 46 + 39 = 85 \qquad 83 + 17 = 100$$

$$93 - 9 = 84 \qquad 100 - 68 = 32$$

$$4) 42 - x = 24$$

$$x - 24 = 56$$

$$x = 42 - 24$$

$$x = 56 + 24$$

$$x = 18$$

$$x = 80$$

5) Số tuổi năm nay của mẹ là : $62 - 28 = 34$ (tuổi)

Đáp số: 34 tuổi

6) Số bị trừ là : 99

Hiệu là : $99 - 90 = 9$

ĐỀ 28

Câu 1/ Viết các số 63,59,71,89,23:

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Câu 2: Tính:

a/ $23 + 19 = \dots\dots\dots$

c/ $37 + 24 = \dots\dots\dots$

$$b/42 - 17 = \dots\dots\dots$$

d/ $36 + 23 = \dots\dots\dots$

Câu 3: Tìm x:

$$a/ x - 37 = 22$$

$$b/ x + 21 = 89$$

$$c/ x + 19 = 43$$

$$d/ x - 27 = 16$$

Câu 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a/ Trong phép tính $42 - 18 = 24$, số bị trừ là:

A/ 42

B/ 18

C/ 24

b/ Trong phép tính $x + 42 = 72$, số hạng x là:

A/ 30

B/ 32

C/ 20

Câu 5: Buổi sáng, cửa hàng bán được 80l dầu hỏa. Buổi chiều, cửa hàng bán được ít hơn buổi sáng 28l dầu hỏa. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu l dầu hỏa?

Bài giải:

.....

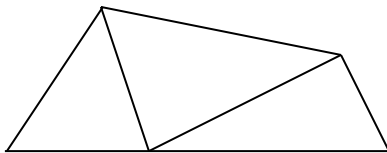
Câu 6: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Hình bên có:

a/ 2 hình tứ giác d/ 5 hình tứ giác

b/ 3 hình tứ giác

c/ 4 hình tứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 28

1) .a) Từ bé đến lớn: 23; 59; 63; 71; 89

b) Từ lớn đến bé: 89; 71; 63; 59; 23

2) Tính

$$.a) 23 + 19 = 42$$

$$c) 37 + 24 = 61$$

$$.b) 42 - 17 = 25$$

$$d) 36 + 23 = 59$$

3) Tìm x

$$x - 37 = 22$$

$$x + 21 = 89$$

$$x = 22 + 37$$

$$x = 89 - 21$$

$$x = 59$$

$$x = 68$$

$$x + 19 = 43$$

$$x - 27 = 16$$

$$x = 43 - 19$$

$$x = 16 + 27$$

$$x = 24$$

$$x = 43$$

4) a) A

b) A

Câu 5. Số lít dầu hỏa buổi chiều bán là: $80 - 28 = 52$ (l dầu hỏa)

Đáp số : 52 l dầu hỏa

Câu 6. B

ĐỀ 29

Phần 1: Trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số liền trước của 69 là:

- A. 60 B. 68 C. 70 D. 80

Câu 2: Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 10 B. 90 C. 99 D. 100

Câu 3: 1 giờ chiều hay còn gọi là

- A. 12 giờ B. 13 giờ C. 14 giờ D. 15 giờ

Câu 4: Thứ 3 tuần này là ngày 21 tháng 12. Thứ 3 tuần sau là ngày nào?

- A. 28 tháng 12 B. 24 tháng 12 C. 22 tháng 12 D. 30 tháng 12

Phần 2: Tự luận

1.a. Đặt tính rồi tính:

$37 + 54$ $65 - 29$ $79 + 13$ $80 - 44$

.....

.....

.....

.....

b. Ghi kết quả của từng phép tính:

$27 \text{ kg} - 7 \text{ kg} + 3 \text{ kg} = \dots$ $18 \text{ l} - 10 \text{ l} + 2 \text{ l} = \dots$

2. Tìm x:

a. $x + 34 = 57$ b. $56 - x = 38$

.....

.....

.....

.....

3. Đọc, viết các ngày trong tháng:

Đọc	Viết
Ngày hai mươi một tháng một	
	Ngày 17 tháng 9

4. a. Bao gạo nặng 45 kg. Bao ngô nặng hơn bao gạo 25 kg. Hỏi bao ngô nặng bao nhiêu kg?

.....
.....
.....
.....
.....

b. Quyển truyện có 85 trang. Tâm đã đọc 79 trang. Hỏi Tâm còn phải đọc mấy trang nữa thì hết quyển truyện?

.....
.....
.....
.....
.....

5. Nhà Ngân nuôi 69 con vừa gà vừa vịt, trong đó có 26 con gà. Hỏi nhà Ngân nuôi bao nhiêu con vịt?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 29

Phần 1: 2 điểm

	Đáp án đúng	Điểm
Câu 1	B	0,5 điểm
Câu 2	C	0,5 điểm
Câu 3	B	0,5 điểm
Câu 4	A	0,5 điểm

Phần 2:

1. 3 điểm

a. Đặt tính rồi tính: Mỗi câu đúng 0,5 đ

$$\begin{array}{r} + 37 \\ 54 \\ \hline 91 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - 65 \\ 29 \\ \hline 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 79 \\ 13 \\ \hline 92 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - 80 \\ 44 \\ \hline 36 \end{array}$$

b. Ghi kết quả của từng phép tính: Mỗi câu đúng 0,5 điểm

a. $27 \text{ kg} - 7 \text{ kg} + 3 \text{ kg} = 23 \text{ kg}$

b. $181 - 101 + 21 = 101$

2. Tìm x: 1 điểm

a. $x + 34 = 57$

$$x = 57 - 34$$

$$x = 23$$

b. $56 - x = 38$

$$x = 56 - 38$$

$$x = 18$$

3. Đọc, viết các ngày trong tháng: 1 điểm

Đọc	Viết
Ngày hai mươi một tháng một	Ngày 21 tháng 1
Ngày mười bảy tháng chín	Ngày 17 tháng 9

4. 2 điểm

a. Bao gạo nặng 45 kg. Bao ngô nặng hơn bao gạo 25. Hỏi bao ngô nặng bao nhiêu kg?

Bài giải

Bao ngô nặng:

$$45 + 25 = 70 \text{ (kg)} \quad 0,75 \text{ đ}$$

$$\text{Đáp số: } 70 \text{ kg} \quad 0,25 \text{ đ}$$

b. Quyển truyện có 85 trang. Tâm đã đọc 79 trang. Hỏi Tâm còn phải đọc mấy trang nữa thì hết quyển truyện?

Bài giải

Số trang Tâm phải đọc nữa:

$$85 - 79 = 6 \text{ (trang)} \quad 0,75 \text{ đ}$$

$$\text{Đáp số: 6 trang} \quad 0,25 \text{ đ}$$

5. 1 điểm:

Nhà Ngân nuôi 69 con vừa gà vừa vịt, trong đó có 26 con gà. Hỏi nhà Ngân nuôi bao nhiêu con vịt?

Bài giải

Số vịt của nhà Ngân là:

$$69 - 26 = 43 \text{ (con vịt)} \quad 0,75 \text{ đ}$$

$$\text{Đáp số: 43 con vịt} \quad 0,25 \text{ đ}$$

ĐỀ 30

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập sau:

a) Tìm x, biết $9 + x = 16$

A. $x = 9$

B. $x = 8$

C. $x = 7$

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

A. $55 + 35$

B. $23 + 77$

C. $69 + 30$

c) Kết quả tính $12 - 2 - 6$ bằng kết quả phép trừ nào dưới đây?

A. $12 - 8$

B. $12 - 7$

C. $12 - 6$

d) Điền dấu $>$, $<$ = ?

$$7 + 6 + 3 \square 7 + 9 + 0$$

$$15 - 8 - 5 \square 13 - 8 - 2$$

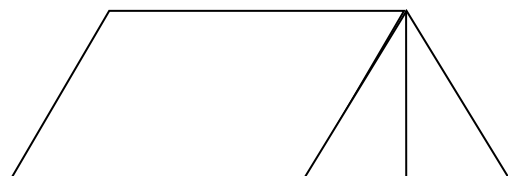
đ) Đúng ghi đ, sai ghi s

Tháng 12 có 30 ngày ☐ Từ 7 giờ đến 8 giờ là 60 phút ☐

e) Hình sau có

A. 3 tứ giác

B. 4 tứ giác



C. 5 tứ giác

PHẦN TỰ LUẬN

Bài 2: ***Đặt tính rồi tính***

50 - 32

46 + 39

83 + 17

93 - 9

100 - 68

Bài 3: ***Tính***

36 + 18 - 45 =

76 - 29 + 8 =

.....

.....

.....

Bài 4: ***Tìm X:***

42 - X = 24

X - 24 = 56

Bài 5 : Năm nay bà 62 tuổi, mẹ kém bà 28 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Phần trắc nghiệm

2) a) C b) B c) A

d) $7+6+3=7+9+0$ $15-8-5=13-8-2$

đ) Tháng 12 có 30 ngày: S Từ 7 giờ đến 8 giờ là 60 phút : Đ

e) A

Bài 3. Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$50-32=18$ $46+39=85$ $83+17=100$

$93-9=84$ $100-68=32$

4) $42-x=24$ $x-24=56$

$x=42-24$

$x=56+24$

$x=18$

$x=80$

5) Số tuổi năm nay của mẹ là : $62-28=34$ (tuổi)

Đáp số: 34 tuổi

7) Số bị trừ là : 99

Hiệu là : $99-90=9$

ĐỀ 31

I. Phần trắc nghiệm: (7 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Số lớn nhất trong các số: 70; 39; 91; 48 là số nào?

A. 39 B. 70 C. 48 D. 91

Câu 2. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng

Kết quả phép tính $47+35=?$

A. 82 B. 72 C. 12 D. 42

Câu 3. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Kết quả phép tính $51-12=?$

A. 41 B. 63 C. 39 D. 49

Câu 4. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Tìm x, biết $x+29=45$

A. $x=74$ B. $x=16$ C. $x=26$ D. $x=24$

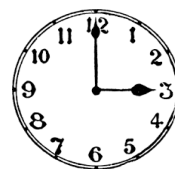
Câu 5. (1 điểm) Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

A. 3 giờ.

B. 12 giờ

C. 6 giờ

D. 9 giờ



Câu 6. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

$4\text{ dm} = \dots\dots\text{cm}$

A. 4 cm B. 44cm C. 40cm D. 14 cm

Câu 7. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác?

A. 1

B. 2

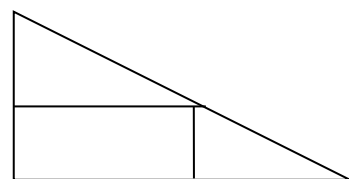
C. 3

D. 4

Câu 8. (1 điểm) Đúng thì ghi Đ, sai thì ghi S vào ô vuông:

Hình vẽ dưới đây có số hình tứ giác là:

- Có 2 hình tứ giác:



- Có 3 hình tứ giác: ☐



II. Phần tự luận: (3 điểm)

Câu 9. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$39 + 14;$

$48 + 7;$

$72 - 34$

$100 - 25$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (2 điểm) Thùng to đựng được 62 l dầu, thùng nhỏ đựng được ít hơn thùng to 15 l dầu. Hỏi thùng nhỏ đựng được bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 31

Câu 1. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Số lớn nhất trong các số: 70; 39; 91; 48 là:

A. 39

B. 70

C. 48

D. 91

Khoanh vào chữ D. 91

Câu 2. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Kết quả phép tính $47 + 35 = ?$

A. 82

B. 72

C. 12

D. 42

Khoanh vào chữ A. 82

Câu 3. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Kết quả phép tính $51 - 12 = ?$

A. 41

B. 63

C. 39

D. 49

Khoanh vào chữ C. 39

Câu 4. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Tìm x, biết $x + 29 = 50 - 5$

A. $x = 74$

B. $x = 16$

C. $x = 26$

D. 24

Khoanh vào chữ B. $x = 16$

Câu 5. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

A. 3 giờ

B. 12 giờ

C. 6 giờ

D. 9 giờ

Khoanh vào chữ A. 3 giờ

Câu 6. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

$4 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$

A. 4 cm

B. 44cm

C. 40cm

D. 14 cm

Khoanh vào chữ C. 40

Bài 7. (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Hình vẽ bên có bao nhiêu **hình tam giác**?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Khoanh vào chữ C. 3

Bài 8. (1 điểm) Đúng thì ghi **Đ**, sai thì ghi **S** vào ô vuông:

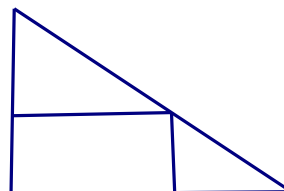
Hình vẽ dưới

- Có 2 hình tứ giác:

S

- Có 3 hình tứ giác:

Đ



Bài 9. (1 điểm) Mỗi phép tính đúng 0, 25 điểm. (Nếu học sinh đặt tính đúng nhưng sai kết quả thì đạt một nửa số điểm)

Đặt tính rồi tính:

$39 + 14;$	$48 + 7;$	$72 - 34$	$100 - 25$
$\begin{array}{r} 39 \\ + \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 48 \\ + \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 72 \\ - \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 100 \\ - \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 14 \\ \hline 53 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ \hline 55 \end{array}$	$\begin{array}{r} 34 \\ \hline 38 \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ \hline 75 \end{array}$

Bài 10. (2 điểm) Thùng to đựng được 62 l dầu, thùng nhỏ đựng được ít hơn thùng to 15 l dầu. Hỏi thùng nhỏ đựng được bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

Số lít dầu thùng nhỏ đựng được là: (0,5 điểm)

$$62 - 15 = 47 \text{ (l)} \quad (1,0 \text{ điểm})$$

Đáp số: 47 l dầu (0,5 điểm)

- Lời giải đúng cho 0,5 đ; phép tính đúng cho 1 đ; đáp số đúng cho 0,5 đ.

- Ở phép tính, nếu học sinh ghi được phép tính $62 - 15 = \dots$ nhưng tính sai kết quả cho 0,5 đ.

ĐỀ 32

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm):

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1: Tìm x, biết $9 + x = 14$

A. $x = 5$

B. $x = 8$

C. $x = 6$

Câu 2: Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

A. $55 + 35$

B. $23 + 76$

C. $69 + 31$

Câu 3: Kết quả tính $13 - 3 - 4$ bằng kết quả phép trừ nào dưới đây?

A. $12 - 8$

B. $12 - 6$

C. $12 - 7$

Câu 4: Điền dấu $>$, $<$ = ?

$7 + 7 + 3$ $+ 9 + 0$

$15 - 8 - 5$ $13 -$

Câu 5: Đúng ghi đ, sai ghi s

Tháng 12 có 31 ngày

☐

Từ 7 giờ đến 8 giờ là 80 phút

☐

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 (2 điểm): Đặt tính rồi tính

$60 - 32$

$26 + 39$

$73 + 17$

$100 - 58$

.....
.....
.....
.....

Bài 2 (1 điểm): Tính

$46 + 18 - 35 =$

$86 - 29 + 8 =$

.....

.....

Bài 3 (1 điểm): Tìm X:

a; $52 - X = 25$

b; $X - 34 = 46$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4 : (2 điểm) Năm nay mẹ 32 tuổi, mẹ kém bà 28 tuổi. Hỏi năm nay bà bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 5 (1 điểm): Tính hiệu, biết số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số và số trừ là 90.

Bài giải

.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 32

Bài 1 : (3 điểm) Khoanh đúng mỗi phần cho 0,5 điểm

Câu 1: A

Câu 2: C

Câu 3: B

Câu 4: C

Câu 5: Đ- S

Bài 2 : (2 điểm) Tính đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm

Đ/s: 28; 65; 90; 42

Bài 3 : (1 điểm) Tính đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm

Đ/s: 29;65

Bài 4 : (1 điểm) Tìm đúng mỗi số (0,5 điểm)

a; X= 27

b; X=80

Bài 5 : (2 điểm)

- Viết đúng câu lời giải (0,5 điểm) **Năm nay Bà có số tuổi là:**
- Viết phép tính đúng (1 điểm) **$32 + 29 + = 61$ (tuổi)**
- Viết đáp số đúng (0,5 điểm) **Đ/s: 61 tuổi**

Bài 6 : (1 điểm)

- Tìm đúng số bị trừ cho 0,25 điểm **Số bị trừ là 99**
- Viết đúng câu lời giải (0,25 điểm) **Ta có phép tính:**
- Viết phép tính đúng (0,25 điểm) **$99 - 90 = 9$**
- Viết đáp số đúng (0,5 điểm) **Đ/s : 9**

ĐỀ 33

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng:

Bài 1: Tính $35 + 9$

- A. 52 B. 44 C. 43

Bài 2: Số liền sau của 68 là:

- A. 67 B. 70 C. 69

Bài 3: Kết quả của phép trừ: $87 \text{ kg} - 8 \text{ kg}$ là:

- A. 79 B. 58 C. 86

Bài 4 : Trong hình vẽ bên có số hình tam giác:

- A. 1 hình B. 2 hình
C. 3 hình

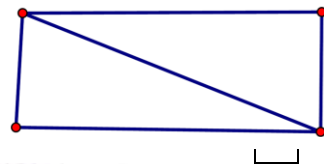
Bài 5 : Em đi ngủ lúc.....giờ tối

A. 7 giờ

B. 8 giờ

C. 9 giờ

Bài 6: Tính 4×7



A. 25

B. 28

C. 26

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**Bài 1:** (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$46 + 28$

$62 + 37$

$84 - 25$

$100 - 48$

.....

Bài 2: (1 điểm) Tìm X

$15 + X = 24$

$X - 16 = 34$

.....

Bài 3: (2 điểm) Năm nay bà 65 tuổi, mẹ kém bà 29 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi?
Bài giải.

.....

Bài 4: (1 điểm) Hãy vẽ đoạn thẳng AB dài 5 cm:

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 33**I TRẮC NGHIỆM**

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	B	C	B
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	1	1

II PHẦN TỰ LUẬN**Bài 1 :** TínhMỗi phép tính đúng **0,5 điểm***(Nếu đặt tính sai, kết quả đúng hoặc đặt tính đúng kết quả sai 0,25 điểm)*

$\begin{array}{r} 46 \\ + 28 \\ \hline 74 \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ + 37 \\ \hline 99 \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ - 35 \\ \hline 49 \end{array}$	$\begin{array}{r} 100 \\ - 48 \\ \hline 52 \end{array}$
--	--	--	---

Bài 2 : Tìm X

$15 + X = 24$

$X - 16 = 34$

$X = 24 - 15$

$X = 34 + 16$

$$X = 9 \quad 0,5 \text{ điểm}$$

$$X = 50 \quad 0,5 \text{ điểm}$$

Bài 3 :

Bài giải:

Năm nay mẹ có số tuổi là:

$$65 - 29 = 36 \text{ (tuổi)} \quad (1 \text{ điểm})$$

Đáp số: 36 tuổi (1 điểm)

Bài 4: Vẽ đoạn thẳng AB 1 điểm

ĐỀ 34

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm):

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1: Tìm x, biết $9 + x = 14$

A. $x = 5$

B. $x = 8$

C. $x = 6$

Câu 2: Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

A. $55 + 35$

B. $23 + 76$

C. $69 + 31$

Câu 3: Kết quả tính $13 - 3 - 4$ bằng kết quả phép trừ nào dưới đây?

A. $12 - 8$

B. $12 - 6$

C. $12 - 7$

Câu 4: 1 dm =cm

A/ 10 cm

B/ 1 cm

B/ 100cm

C/ 11 cm

Câu 5: Số liền sau số lớn nhất có 2 chữ số là:

A/ 99

B/ 98

C/ 100

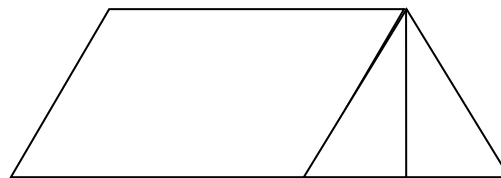
D/ 90

Câu 6: Hình sau có

A. 3 tứ giác

B. 4 tứ giác

C. 5 tứ giác



B. PHẦN TỰ LUẬN (4 đ)

Bài 1 (1 điểm): Đặt tính rồi tính

$$60 - 32$$

$$26 + 39$$

$$73 + 17$$

$$100 - 58$$

.....

.....

.....
.....
Bài 2 (1 điểm) : Tìm X:

a. $X + 37 = 82$

b. $X - 34 = 46$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: (1 điểm) Mảnh vải màu xanh dài 35 dm, mảnh vải màu tím ngắn hơn mảnh vải màu xanh 17 dm. Hỏi mảnh vải màu tím dài bao nhiêu đề - xi – mét?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 4 (1 điểm): Tính hiệu, biết số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số và số trừ là 90.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 34

A/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

Khoanh đúng mỗi phần cho 1 điểm

Câu 1: A

Câu 2: C

Câu 3: B

Câu 4: A

Câu 5: C

Câu 6: A

B/ PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: (1 điểm) Tính đúng mỗi phép tính cho 0,25 điểm

Đ/s: 28; 65; 90; 42

Bài 2: (1 điểm) Tìm đúng mỗi số (0,5 điểm)

a. $X = 45$

b. $X = 80$

Bài 3: (1 điểm) - Viết đúng câu lời giải (0,25 điểm) **Mảnh vải tím dài là:**

- Viết phép tính đúng (0,5 điểm)

$$34 - 17 = 17 \text{ (dm)}$$

- Viết đáp số đúng (0,25 điểm)

Đ/s: 17 dm

Bài 4: (1 điểm) - Tìm đúng số bị trừ cho 0,25 điểm **Số bị trừ là 99**

- Viết đúng câu lời giải (0,25 điểm)

Ta có phép tính:

- Viết phép tính đúng (0,25 điểm)

$$99 - 90 = 9$$

- Viết đáp số đúng (0,25 điểm)

Đ/s : 9

ĐỀ 35

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a) $45 + 32$

$39 + 48$

c) $80 - 23$

d) $100 - 58$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Viết vào chỗ chấm (...) thích hợp:

a) $7 + 6 + 3$ $7 + 9 + 0$

b) Tháng 12 có ngày

c) Số ở giữa 29 và 31 là:....

d) Số liền trước của 50 là

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng:

a) Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

A. $55 + 35$

B. $69 + 30$

C. $23 + 77$

b) Kết quả phép tính 80 lít - 20 lít - 30 lít là:

A. 50 lít

B. 40 lít

C. 20 lít

D. 30 lít

c) Tìm x, biết : $19 + x = 40$

A. 21

B. 22

C. 23

d) Số bị trừ và số trừ lần lượt là 71 và 26 thì hiệu là:

A. 97

B. 45

C. 35

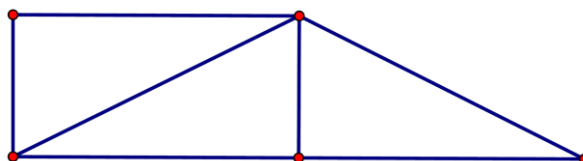
D. 44

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm (...)

a) $14 \text{ cm} + 26 \text{ cm} = 4 \text{ dm}$

b) Từ 11 giờ đến 12 giờ là 60 phút

Câu 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Hình vẽ bên:

a) Có hình tứ giác

b) Có hình tam giác

Câu 6: Trại nuôi gà số một có 75 con, trại nuôi gà số hai ít hơn trại nuôi gà số một 17 con. Hỏi trại nuôi gà số hai có bao nhiêu con ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 35

Câu 1: (3.0 điểm): Đặt tính và tính đúng, ghi 0.75 điểm/ phép tính.

Tính đúng nhưng chưa đặt tính, ghi 0.5 điểm/ phép tính.

Câu 2: (2 điểm): Viết đúng mỗi số theo yêu cầu, ghi 0.5 điểm.

Viết vào chỗ chấm (...) thích hợp:

a) $7 + 6 + 3 = 7 + 9 + 0$

b) Tháng 12 có 31 ngày

c) Số ở giữa 29 và 31 là: 30

d) Số liền trước của 50 là 49

Câu 3: (2.0 điểm): Khoanh vào ý đúng mỗi câu, ghi 0.5 điểm).

a) C

b) D

c) A

d) B

Câu 4: (1.0 điểm): Điền Đ hoặc S vào chỗ chấm thích hợp ở mỗi ý, ghi 0.5 điểm.

a) Đ

b) Đ

Câu 5: (0.5 điểm) Viết đúng mỗi số theo yêu cầu, ghi 0.25 điểm.

a) 1 hình tứ giác

b) 4 hình tam giác

Câu 6: (1.5 điểm): Căn cứ vào lời giải, phép tính và cách ghi đáp số mà ghi từ 0 đến 1.5 điểm.

Trại nuôi gà số hai có là:

$$75 - 17 = 58 \text{ (con)}$$

Đáp số: 58 con

ĐỀ 36

1/ Đặt tính rồi tính :

a/ $73 + 27$

b/ $70 - 16$

c/ $66 + 29$

d/ $44 - 8$

.....
.....
.....
.....

2/ Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng :

a/ Trong các số sau, số bé nhất là :

A. 45

B. 54

C. 44

b/Tìm x : $65 - x = 26$

A. $x = 91$

B. $x = 39$

C. $x = 49$

c/ Kết quả phép tính $70 \text{ dm} + 30 \text{ dm} - 20 \text{ dm}$

A. 60dm

B. 70dm

C. 80dm

d/ Kim ngắn chỉ số 8, kim dài chỉ số 12. Đồng hồ chỉ :

A. 8 giờ

B. 12 giờ

C. 21 giờ

3/ Viết tiếp vào chỗ chấm (...) cho thích hợp :

a/ $57 = 50 + \dots$

b/ Số liền sau của 80 là

c/ $9 = 18 - \dots$

d/ Số ở giữa 79 và 81 là....

4/ Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng :

Hình vẽ bên

a) Có mấy hình tam giác ?

A. 2

B. 3

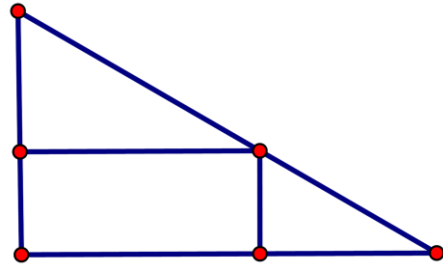
C. 4

b) Có mấy hình tứ giác ?

A. 2

B. 3

C. 4



5/ Đoạn thẳng AB dài 36dm, đoạn thẳng BC ngắn hơn đoạn thẳng AB 18dm.
Hỏi đoạn thẳng BC dài bao nhiêu dm?

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 36

Bài 1 : (2 điểm) Đặt tính và tính đúng mỗi bài ghi 0,5 điểm

Bài 2 ; (2 điểm) Khoanh đúng mỗi câu ghi 0,5 điểm.

Bài 3 : (2 điểm) Điền đúng mỗi chỗ chấm ghi 0,5 điểm.

Bài 4: (1 điểm) Khoanh đúng mỗi câu ghi 0,5 điểm.

Bài 5 : (2 điểm)

- Lời giải ghi 0,5 điểm.

- Phép tính ghi 1 điểm.

- Đáp số ghi 0,5 điểm.

(Sai đơn vị trừ 0,5 điểm cho toàn bài.)

ĐỀ 37

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a) $45 + 32$ $39 + 48$ c) $80 - 23$ d) $100 - 58$
.....
.....
.....

Câu 2: Viết vào chỗ chấm (...) thích hợp:

- a) $7 + 6 + 3$ $7 + 9 + 0$ b) Tháng 12 có ngày
c) Số ở giữa 29 và 31 là: d) Số liền trước của 50 là

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng:

c) Phép tính nào dưới đây có kết quả là 100?

- A. $55 + 35$ B. $69 + 30$ C. $23 + 77$

d) Kết quả phép tính $80 \text{ lít} - 20 \text{ lít} - 30 \text{ lít}$ là:

- A. 50 lít B. 40 lít C. 20 lít D. 30 lít

c) Tìm x , biết: $19 + x = 40$

- A. 21 B. 22 C. 23

d) Số bị trừ và số trừ lần lượt là 71 và 26 thì hiệu là:

- A. 97 B. 45 C. 35 D. 44

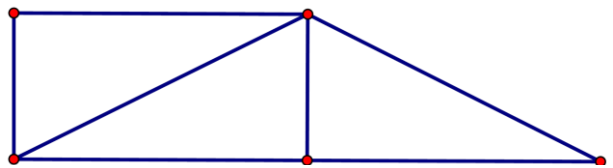
Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm (...)

- a) $14 \text{ cm} + 26 \text{ cm} = 4 \text{ dm}$
b) Từ 11 giờ đến 12 giờ là 60 phút

Câu 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình vẽ bên:

- a) Có hình tứ giác
b) Có hình tam giác



Câu 6: Trại nuôi gà số một có 75 con, trại nuôi gà số hai ít hơn trại nuôi gà số một 17 con. Hỏi trại nuôi gà số hai có bao nhiêu con?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 37

Câu 1: (3.0 điểm): Đặt tính và tính đúng, ghi 0.75 điểm/ phép tính.

Tính đúng nhưng chưa đặt tính, ghi 0.5 điểm/ phép tính.

Câu 2: (2 điểm): Viết đúng mỗi số theo yêu cầu, ghi 0.5 điểm.

Viết vào chỗ chấm (...) thích hợp:

- a) $7 + 6 + 3 = 7 + 9 + 0$ b) Tháng 12 có 31 ngày
c) Số ở giữa 29 và 31 là: 30 d) Số liền trước của 50 là 49

Câu 3: (2.0 điểm): Khoanh vào ý đúng mỗi câu, ghi 0.5 điểm).

- a) C b) D c) A d) B

Câu 4: (1.0 điểm): Điền Đ hoặc S vào chỗ chấm thích hợp ở mỗi ý, ghi 0.5 điểm.

- a) Đ b) Đ

Câu 5: (0.5 điểm) Viết đúng mỗi số theo yêu cầu, ghi 0.25 điểm.

- c) 1 hình tứ giác
d) 4 hình tam giác

Câu 6: (1.5 điểm): Căn cứ vào lời giải, phép tính và cách ghi đáp số mà ghi từ 0 đến 1.5 điểm.

Trại nuôi gà số hai có là:

$$75 - 17 = 58 \text{ (con)}$$

Đáp số: 58 con

ĐỀ 38**Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

- a. 87; 88; 89;;;;; 94; 95
 b. 82; 84; 86;;;;; 96; 98

Bài 2: Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

Đọc số	Viết số
Chín mươi sáu.	
.....	84

Bài 3: Tính nhẩm: (1 điểm)

- a. $9 + 8 = \dots$ c. $2 + 9 = \dots$
 b. $14 - 6 = \dots$ d. $17 - 8 = \dots$

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (1 điểm)

- a. $8 + 9 = 16$ ☐
 b. $5 + 7 = 12$ ☐

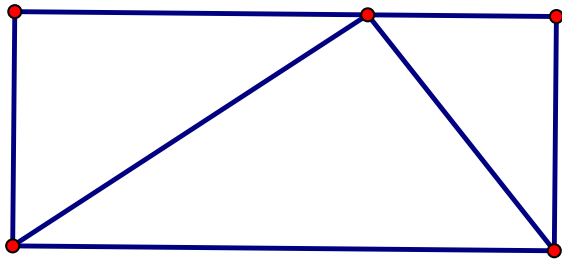
Bài 5: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

- a. $57 + 26$ b. $39 + 6$ c. $81 - 35$ d. $90 - 58$

Bài 6: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: (1 điểm)

- a. $8 \text{ dm} + 10 \text{ dm} = \dots \text{ dm}$
 A. 18 dm B. 28 dm C. 38 dm
 b. Tìm x biết: $X + 10 = 10$
 A. $x = 10$ B. $x = 0$ C. $x = 20$

Bài 7: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: (1 điểm)



- | | |
|--|--|
| a) Trong hình có bao nhiêu hình chữ nhật | b) Trong hình có bao nhiêu hình tam giác |
| A.1 | A. 2 |
| B.2 | B. 3 |
| C.3 | C. 4 |

Bài 8: (2 điểm)

a. Nhà bạn Mai nuôi 44 con gà. Nhà bạn Hà nuôi ít hơn nhà bạn Mai 13 con gà. Hỏi nhà bạn Hà nuôi bao nhiêu con gà? (1điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b.Em hái được 20 bông hoa ,chị hái được nhiều hơn em 5 bông hoa .Hỏi chị hái được mấy bông hoa ? (1điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 38

- 1)a) ...;...;...;90;91;92;93;...;...;
- b)...;...;...;88;90;92;94;...;....
- 2) a) Chín mươi sáu : 96
- Tám mươi tư: 84

3) .a) $9+8=17$

b) $14 - 6 = 8$

4) .a) $8+9 = 16$. S

c) $2 + 9 = 11$

d) $17 - 8 = 9$

b) $5+7=12$.Đ

5) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $57 + 26 = 83$

b) $39 + 6 = 45$

c) $81 - 35 = 46$

d) $90 - 58 = 32$

6) a)A b)A

7) a)A b)B

8) a) Số con gà nhà bạn Hà nuôi là : $44 - 13 = 31$ (con)

Đáp số: 31 con

b) Số bông hoa chị hái được là: $20 + 5 = 25$ (bông hoa)

Đáp số: 25 bông hoa

ĐỀ 39

Bài 1) (2đ) Đặt tính rồi tính:

$54 + 36$

$27 + 63$

$54 - 38$

$88 - 49$

.....

.....

.....

.....

Bài 2) (2đ) Tìm X

a) $x - 36 = 52$

b) $92 - x = 45$

.....

.....

.....

Bài 3) (2đ)

Trong một ngày, cửa hàng bán được 56 kg đường, trong đó buổi sáng bán được 27kg. Hỏi buổi chiều bán được bao nhiêu kg đường?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 4) (2đ) Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng

a/ $28 + 36 + 14 = ?$

A. 68

B. 78

C. 79

b/ $76 - 22 - 38 = ?$

A. 26

B. 15

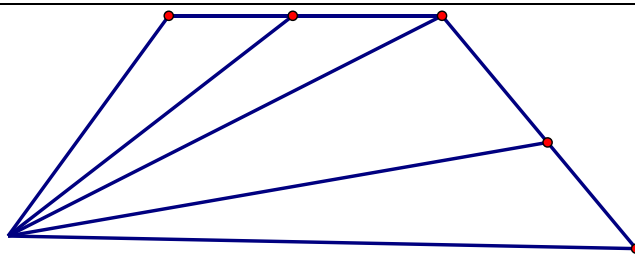
C. 16

Bài 5 (1đ)

Hình bên có:

.....tam giác

.....tứ giác



Bài 6 (1đ) Viết phép tính có hiệu bằng số bị trừ

$$\square - \square = \square$$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 39

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$54 + 36 = 90 \quad 54 - 38 = 16$$

$$27 + 63 = 90 \quad 88 - 49 = 39$$

2) a) $x - 36 = 52$

$$x = 52 + 36$$

$$x = 88$$

$$92 - x = 45$$

$$x = 92 - 45$$

$$x = 47$$

3) Số kilogram đường buổi chiều bán được là: $56 - 27 = 29$ (kg đường)

Đáp số : 29 kg đường

Bài 4) a) B b) C

Bài 5. Có 6 tam giác, có 4 tứ giác

Bài 6. $20 - 10 = 10$

ĐỀ 40

Môn Toán lớp 2(Thời gian làm bài 40 phút)

Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a/ $85 - 39 = ?$

A. 45 B. 46 C. 55 D. 56

b/ $29 - 5 + 15 = ?$

A. 49 B. 39 C. 19 D. 9

Bài 2: Viết các số vào ô trống

Đọc	Viết
Tám mươi lăm	
Chín mươi chín	

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$$43 + 57$$

$$92 - 75$$

Bài 4: Tìm x

a/ $x - 22 = 38$

b/ $x + 14 = 40$

Bài 5: Một cửa hàng buổi sáng bán được 45 kg đường, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 24 kg đường. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki lô gam đường?

.....

.....

.....

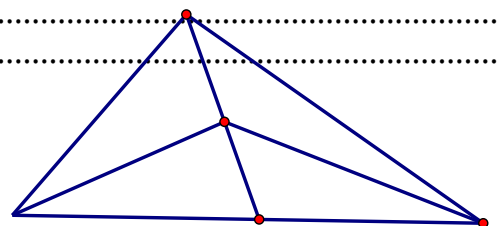
.....

.....

.....

Bài 6: Hình vẽ bên có mấy hình tam giác?

Hình vẽ trên có..... hình tam giác.



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 40

1. a)B b)B
2) Tám mươi lăm: 85 Chín mươi chín: 99
3) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa
 $43+57=100$ $92 - 75 = 17$
4) a) $x - 22 = 38$ b) $x + 14 = 40$
 $x = 38 + 22$ $x = 40 - 14$
 $x = 60$ $x = 26$

5) Số kilogram đường buổi chiều bán được là: $45 - 24 = 21$ (kg đường)

Đáp số: 21 kg đường

6) Hình vẽ bên có 8 tam giác

ĐỀ 41

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống

Số hạng	38	15	25	
Số hạng	27		25	32
Tổng		60		82

Số bị trừ	11		64	90
Số trừ	4	34		
Hiệu		15	34	38

Bài 2: Tính :

a) $72 - 36 + 24 =$

b) $36 + 24 - 18$

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng

Số hình tứ giác trong hình vẽ là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Bài 4: Bình cân nặng 28 kg, An nhẹ hơn Bình 4 kg . Hỏi An nặng bao nhiêu ki lô gam?

Bài giải

.....

.....

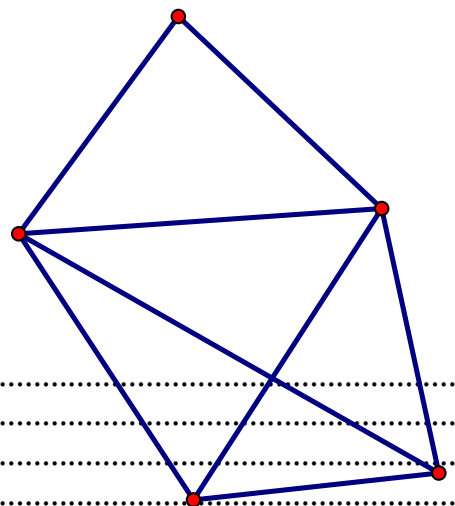
.....

.....

.....

.....

.....



Bài 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

- a) Một ngày có giờ
 b) 15 giờ haygiờ chiều
 c) Từ 7 giờ sáng đến 10 giờ sáng cùng ngày là giờ.

Bài 6: Tính nhanh

$$10 - 9 + 8 - 7 + 6 - 5 + 4 - 3 + 2 - 1$$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 41

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống

Số hạng	38	15	25	50
Số hạng	27	45	25	32
Tổng	65	60	50	82

Số bị trừ	11	49	64	90
Số trừ	4	34	30	52
Hiệu	7	15	34	38

Bài 2. Tính

- a) $72 - 36 + 24 = 36 + 24 = 60$
 b) $36 + 24 - 18 = 60 - 18 = 42$

Bài 3. D

Bài 4. Số kilogam An cân nặng là: $28 - 4 = 24$ (kg)

Đáp số: 24 kg.

- 5) a) Một ngày có 24 giờ
 b) 15 giờ hay 3 giờ chiều
 c) Từ 7 giờ sáng đến 10 giờ sáng là 3 giờ
 d) $10 - 9 + 8 - 7 + 6 - 5 + 4 - 3 + 2 - 1 = 1 + 1 + 1 + 1 + 1 = 5$

ĐỀ 42

I. trắc nghiệm khách quan:

Khoanh vào chữ cái trước ý đúng trong mỗi câu sau:

Bài 1. Số liền trước 50 là

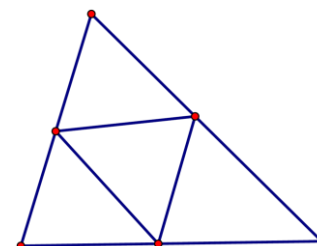
- A. 49 B. 51 C. 48

Bài 2. Số lớn nhất có hai chữ số là

- : A. 88 B. 99 C. 90

Bài 3. Hình vẽ bên có mấy hình tam giác?

- A. 3 B. 4 C. 5



Bài 4. Câu nào đúng?

A.Một ngày có 24 giờ

B. Một ngày có 12 giờ

C. Một ngày có 20 giờ

Bài 5. Tính tổng, biết các số hạng là 48 và 17.

A.56

B. 65

C. 45

Bài 6 .Tìm x : **$x + 16 = 30$**

A.15

B. 16

C. 14

Bài 7 . Tính kết quả $86 - 6 - 9 = ?$

A.71

B. 70

C. 81

Bài 8 . Mẹ hái được 55 quả cam , mẹ biếu bà 20 quả cam . Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả cam?

A .30 quã

B. 35 quã

C.25 quã

II. Tự luận :

Bài 1. Đặt tính rồi tính :

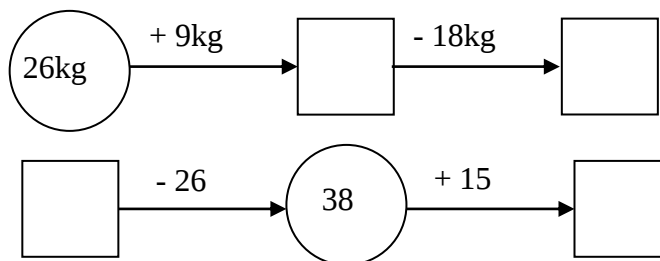
$$46 + 49$$

83 - 35

80 - 43

$$45 + 39$$

Bài 2.



Bài 3. Tính

$$34 + 66 - 20 =$$
$$85 - 15 + 12 =$$

$$=$$

Bài 4 . Một cửa hàng buổi sáng bán được 83 l dầu , buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 27l dầu . Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu l dầu?

Bài giải

[illegible]

Bài 5 . Điền số còn thiếu vào ô trống

$$\begin{array}{r} 4... \\ - 17 \\ \hline 23 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \\ - 37 \\ \hline 49 \end{array}$$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 42

I. Trắc nghiệm khách quan

1.A 2.B 3.C 4.A 5.B 6.C 7.A 8.B

II. TỰ LUẬN

1) Đặt tính đúng mỗi câu được điểm tối đa

$$46 + 49 = 95$$

$$83 - 35 = 48$$

$$80 - 43 = 37$$

$$45 + 39 = 84$$

$$2) 26 \text{ kg} + 9 \text{ kg} = 35 \text{ kg} - 18 \text{ kg} = 17 \text{ kg}$$

$$64 - 26 = 38 + 15 = 53$$

3) Tính

$$34 + 66 - 20 = 100 - 20 = 80$$

$$85 - 15 + 12 = 70 + 12 = 82$$

4) Số lít dầu buổi chiều bán được là : $83 - 27 = 56$ (lít dầu)

Đáp số: 56 lít dầu

$$5) 40 - 17 = 23$$

$$86 - 37 = 49$$

ĐỀ 43

Bài 1: (2 điểm) *Khoanh vào chữ cái đứng trước phương án đúng.*

a/ Kết quả của phép cộng $76 + 16$ là :

A. 82

B. 72

C. 93

D. 92

b/ Phép trừ $100 - 75$ có kết quả là:

A. 35.

B. 25

C. 15

D. 16

c/ Hiệu nào dưới đây lớn hơn 56?

A. $59 - 8$

B. $69 - 10$

C. $56 - 0$

D. $58 - 3$

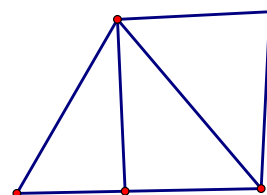
d/ Số hình tam giác có trong hình bên là:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5



Bài 2: (1 điểm) *Điền số hoặc dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm.*

a/ $42 + 15$ 75

b/ $100 - 42$ 43

c/ 10 giờ đêm còn gọi là giờ.

d/ Ngày 1 tháng 1 năm 2011 là ngày thứ sáu. Thứ sáu tuần sau đó là ngày tháng

Bài 3: (2 điểm) *Đặt tính và tính:*

a/ $36 + 38$

b/ $75 - 27$

c/ $100 - 37$

d/ $29 + 57$

.....
.....

.....
.....
Bài 4: (1 điểm) *Tính:*

a/ $48 + 35 - 38$

b/ $100 - 28 + 15$

.....
Bài 5: (1 điểm) *Tìm x, biết:*

a/ $x + 37 = 80$

b/ $42 - x = 22$

.....
Bài 6: (2 điểm) *Bài giải.*

Thùng gạo nếp có 53 kg, Thùng gạo tẻ có ít hơn thùng gạo nếp 8 kg. Hỏi thùng gạo tẻ có bao nhiêu ki - lô - gam?

Bài giải

.....
Bài 7. (1 điểm) *Tính nhanh:*

$24 + 65 - 4 - 5$

.....
ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 43

- 1) a) D b) B c) B d) C
2) a) $42 + 15 < 75$ b) $100 - 42 > 43$
c) 10 giờ đêm còn gọi là 22 giờ

d) Ngày 1 tháng 1 năm 2011 là ngày thứ sáu. Thứ sáu tuần sau đó là ngày 8 tháng 1.

3) Đặt tính đúng mỗi câu được 0,5đ

a) $36 + 38 = 74$

b) $75 - 27 = 48$

c) $100 - 37 = 63$

d) $29 + 57 = 86$

4) a) $48 + 35 - 38 = 83 - 38 = 45$

b) $100 - 28 + 15 = 72 + 15 = 87$

5) a) $x + 37 = 80$

$$x = 80 - 37$$

$$x = 43$$

b) $42 - x = 22$

$$x = 42 - 22$$

$$x = 20$$

Bài 6. Số kilogram thùng gạo tẻ có là : $53 - 8 = 45$ (kg gạo)

Đáp số: 45 kg gạo

Bài 7.

$$24 + 65 - 4 - 5$$

$$= (24 - 4) + (65 - 5) = 20 + 60 = 80$$

ĐỀ 44

PHẦN TRẮC NGHIỆM 3 điểm

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Số liền trước của 80 là:

A. 79

B. 80

C. 81

D. 82

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $60 \text{ cm} = \dots \text{ dm}$ là:

A. 6 dm

B. 6

C. 60

D. 6 cm

Câu 3. Các số 28; 37; 46; 52 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 46; 37; 52; 28

B. 28; 37; 46; 52

C. 52; 46; 37; 28

D. 52; 37; 46; 28

Câu 4. Số lớn hơn 74 và nhỏ hơn 76 là:

A. 73

B. 77

C. 75

D. 76

Câu 5. Hiệu của 64 và 31 là:

A. 33

B. 77

C. 95

D. 34

Câu 6. Lan và Hồng có 22 quyển truyện tranh. Nếu lấy bớt của Hồng 5 quyển thì hai bạn còn lại bao nhiêu quyển truyện tranh?

Hai bạn còn lại số quyển truyện tranh là:

A. 27

B. 17

C. 22

D. 15

PHẦN TỰ LUẬN

7 điểm

Bài 1. (2 điểm) Tìm x, biết:

$$x + 15 = 41$$

$$x - 23 = 39$$

Bài 2. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

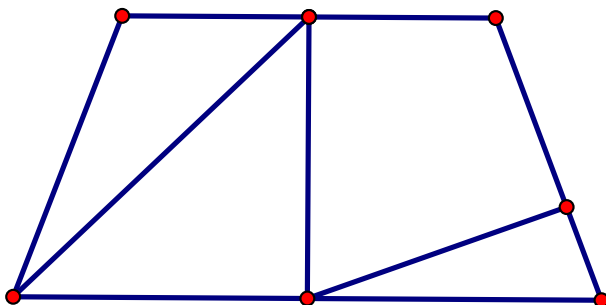
$44 + 37$

$95 - 58$

$38 + 56$

$66 - 8$

Bài 3. (1,5 điểm) Hình vẽ bên có bao nhiêu tứ giác?



Bài 4. (1,5 điểm). Có hai thùng dầu. Thùng thứ nhất chứa nhiều hơn thùng thứ hai 8 lít dầu, thùng thứ nhất chứa 33 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít dầu?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 44

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1.A

2.A

3.C

4.C

5.A

6.B

II. PHẦN TỰ LUẬN

1) $x + 15 = 41$

$x = 41 - 15$

$x = 26$

$x - 23 = 39$

$x = 39 + 23$

$x = 62$

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$44 + 37 = 81$

$95 - 58 = 37$

$38 + 56 = 94$

$66 - 8 = 58$

3) Hình vẽ có 4 tứ giác

4) Số lít dầu thùng hai chứa là : $33 + 8 = 41$ (1 dầu)

Đáp số: 41 l dầu.

ĐỀ 45

A- Phần kiểm tra trắc nghiệm.

Khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng. (Mỗi đáp án đúng cho 0,5 điểm)

1) $5\text{dm} = ? \text{ cm}$

- A. 50 cm B. 5 cm C. 4 cm

2) Số bé nhất trong các số : 100, 98, 89, 90 là

- A. 89 B. 90 C. 98

3) $47 + 35 = ?$

- A. 72 B. 92 C. 82

4) Số lớn nhất có 2 chữ số mà tổng 2 chữ số của số đó bằng 9 là:

- A. 99 B. 90 C. 81

5) $11 - 7 + 8 = ?$

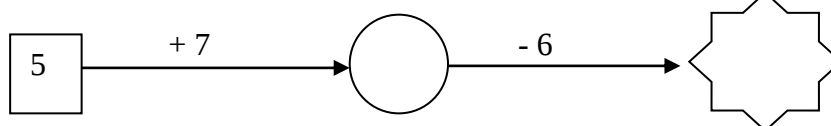
- A. 4 B. 12 C. 10

6) Con lợn trắng nặng 75 kg, con lợn đen nhẹ hơn con lợn trắng 18 kg. Hỏi con lợn đen cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Con lợn đen cân nặng : A. 93 B. 57 C. 67

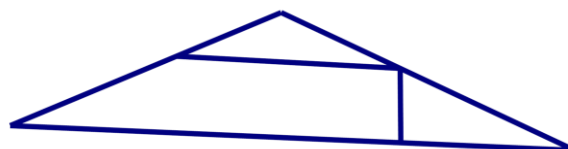
7)

Số ?



8) Hình bên có mấy hình tứ giác:

- A. 2
B. 3
C. 4



9) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$5 \square > 58$

- A. 9 B. 8 C. 7

10) Số liền sau của 49 là:

- A. 48 B. 51 C. 50

B- Phần kiểm tra tự luận.

Bài 1 (2 điểm) : Đặt tính rồi tính:

$38 + 62$; $72 - 25$; $64 + 27$; $100 - 77$;

Bài 2: (1 điểm) Tìm x

a. $x + 28 = 41$

b. $32 - x = 16 + 7$

Bài 3: (2 điểm) Năm nay Lan 8 tuổi, mẹ hơn Lan 27 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 45

A.TRẮC NGHIỆM

1.A 2.A 3.C 4.B 5.B 6.B

7. $5 + 7 = 12 - 6 = 6$

8.B 9.A 10.C

B.TỰ LUẬN

1)Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 đ

$38 + 62 = 100$ $72 - 25 = 47$ $64 + 27 = 91$ $100 - 77 = 23$

2)Tìm x

a) $x + 28 = 41$

$x = 41 - 28$

$x = 13$

b) $32 - x = 16 + 7$

$32 - x = 23$

$x = 32 - 23$

$x = 9$

3) Số tuổi của mẹ Lan năm nay là: $8 + 27 = 35$ (tuổi)

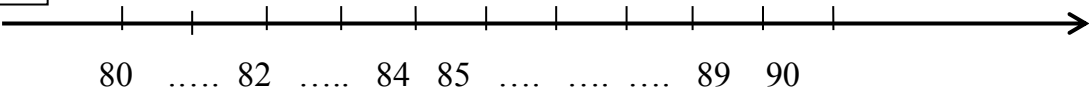
Đáp số: 35 tuổi

ĐỀ 46

Bài 1:

Số

 ?



Bài 2: Viết số hoặc chữ thích hợp

đọc số	Viết số
Sáu mươi lăm	
.....	46
.....	71
Tám mươi tư	

Số

Bài 3:

a) $\overset{?}{\text{a)}} \quad \textcircled{6} \xrightarrow{+7} \square$

c) $\text{b)} \quad \square \xrightarrow{-\dots\dots} \textcircled{6}$

b) $\text{c)} \quad \textcircled{7} \begin{matrix} \xrightarrow{+7} \square \\ \xrightarrow{+5} \square \end{matrix}$

d) $\text{d)} \quad \square \xrightarrow{-7} \textcircled{}$

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $8 + 4 = 13$ ☐

b) $7 + 9 = 16$ ☐

Bài 5: Đặt tính rồi tính :

$47 + 25$

$64 - 28$

$100 - 36$

$37 + 43$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Tìm x

$x + 30 = 50$

$x - 12 = 47$

$x = \dots\dots\dots$

$x = \dots\dots\dots$

$x = \dots\dots\dots$

$x = \dots\dots\dots$

Bài 7: Giải toán

Quang cân nặng 26 kg. Minh cân nặng hơn Quang 8 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu kg ?

Bài giải:

.....

Bài 8: Khoanh vào đáp án trước kết quả đúng

a) Số tứ giác trong hình vẽ là :

A. 1

C. 3

B. 2

D. 4

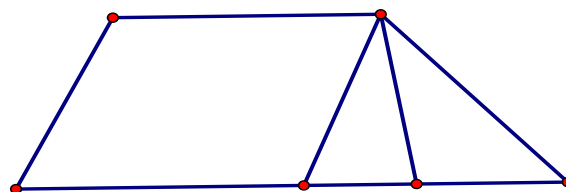
b) Số hình tam giác trong hình vẽ là:

A. 4

C. 2

B. 3

D. 1

**Bài 9 : Viết tiếp vào tờ lịch tháng 12 dưới đây rồi trả lời câu hỏi :**

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
12	1	2			5		
				11		13	
	15	16			19		
				25			28
	29		31				

Trong tháng 12 :

a) Cóngày thứ hai.

Các ngày thứ hai đó là :

b) Ngày 22 tháng 12 là thứ

c) Tháng 12 có tất cả bao nhiêu ngày :

d) Em được nghỉ thứ bảy và chủ nhật. Vậy tháng 12 em được nghỉngày

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 46

1);81;...;83;...;...;86;87;88;...;.....

2) Sáu mươi lăm: 65

Bốn mươi sáu: 46

Bảy mươi một: 71

Tám mươi tư: 84

3) a) $6 + 7 = 13$ b) $7 + 7 = 14$; $7 + 5 = 12$

c) $15 - 9 = 6$ d) $16 - 7 = 9$

4) a) $8 + 4 = 13$. S b) $7 + 9 = 16$. Đ

5) Đặt tính đúng mỗi câu được tính điểm tối đa

$47 + 25 = 72$ $64 - 28 = 36$ $100 - 36 = 64$ $37 + 43 = 80$

6) $x + 30 = 50$

$x = 50 - 30$

$x = 20$

$x - 12 = 47$

$x = 47 + 12 = 59$

7) Số kilogam Minh cân nặng là: $26 + 8 = 34$ (kg)

Đáp số : 34 kg

8) a) C b) B

9) Học sinh tự viết ngày

Trong tháng 12

a) Có 5 ngày thứ hai, đó là các ngày : 1; 8; 15; 22; 29

b) Ngày 22 tháng 12 là thứ Hai

c) Tháng 12 có 31 ngày

d) Tháng 12 em được nghỉ 8 ngày

ĐỀ 47

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

50	51							58	
		62						68	
							77		
			83						
					95				99

Bài 2: Nối phép tính với kết quả đúng:

9 + 7

9

16 - 7

16

9 + 6

8

17 - 9

15

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a) 7 + 8 = 15

c) 12 - 4 = 9

b) 8 + 4 = 13

d) 11 - 4 = 7

Bài 4: Đặt tính rồi tính:

45 + 27

64 – 38

33 + 47

80 - 36

Bài 5: Số?

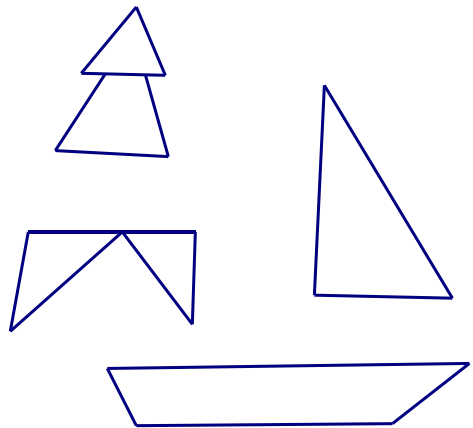
a) 16 ℓ + 5 ℓ - 10 ℓ =

b) 24kg - 13kg + 4kg =

Bài 6: Viết số thích hợp vào chỗ trống:

Hình vẽ bên có:

- a) Có hình tam giác.
- b) Có hình tứ giác.



Bài 7: Giải toán:

- a) Anh Hoà cân nặng 45 kg, bạn Bình cân nhẹ hơn anh Hoà 17 kg. Hỏi bạn Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....
.....
.....

- b) Bình nhỏ đựng 15 ℓ nước, bình to đựng được nhiều hơn bình nhỏ 9 ℓ nước. Hỏi bình to đựng được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 8: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 47

- 1) Học sinh tự điền số theo hướng tăng dần
- 2) $9 + 7 = 16$ $16 - 7 = 9$
 $9 + 6 = 15$ $17 - 9 = 8$
- 3) .a) $7 + 8 = 15$.Đ c) $12 - 4 = 9$. S
 b) $8 + 4 = 13$. S d) $11 - 4 = 7$. Đ
- 4) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa
- $45 + 27 = 72$ $64 - 38 = 26$ $35 + 47 = 82$ $80 - 36 = 44$
- 5) a) $16\text{ l} + 5\text{ l} - 10\text{ l} = 11\text{ l}$
b) $24\text{ kg} - 13\text{ kg} + 4\text{ kg} = 15\text{ kg}$
- 6) a) Có 4 hình tam giác, b) Có 2 hình tứ giác.
- 7) a) Số kilogam cân nặng của bạn Bình là: $45 - 17 = 28$ (kg)
Đáp số: 28 kg
b) Số lít nước bình to đựng là : $15 + 9 = 24$ (l nước)
Đáp số : 24 l nước
- 8) $10 - 2 = 8$ $9 - 3 = 6$

ĐỀ 48

1/ Viết số thích hợp vào chỗ trống:: (2 điểm)

a/ 62, 63, 64,;;;;, 70. b/ 40, 42, 44,;;;;, 56.

2/ Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$36 + 43$$

$$88 - 65$$

$$27 + 15$$

$$80 - 46$$

.....			
..	..	..	..
.....			
..	..	..	..
.....			
..	..	..	..

3/ Tìm X. Biết: (2 điểm)

$$X + 19 = 72$$

$$X - 37 = 28$$

$$100 - X = 45$$

.....		
....		
.....		
....		
.....		
....		

4/ Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

2dm = cm

9dm = cm

70cm = dm

5/ Bình cân nặng 32 ki-lô-gam. Lan nhẹ hơn Bình 9 ki-lô-gam. Hỏi Lan cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam? (2 điểm)

Bài làm

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

6/ (1 điểm)

Hình bên có hình tam giác

Hình bên có hình tứ giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 48

.1) a) ...;...;...;65;66;67;68;69;....

b) ...;...;...;46;48;50;52;54;...

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 đ

$$36 + 43 = 79$$

$$88 - 65 = 23$$

$$27 + 15 = 42$$

$$80 - 46 = 34$$

3) Tìm x

$$x + 19 = 72$$

$$x - 37 = 28$$

$$100 - x = 45$$

$$x = 72 - 19$$

$$x = 28 + 37$$

$$x = 100 - 45$$

$$x = 53$$

$$x = 65$$

$$x = 55$$

4) 2 dm = 20 cm

9 dm = 90 cm

70 cm = 7 dm

5) Số kilogam Lan cân nặng là : $32 - 9 = 23$ (kg)

Đáp số: 23 kg

6) Hình bên có 3 tam giác, hình bên có 3 tứ giác

ĐỀ 49

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống. (1 điểm)

60		62			65		67	68			71	72			75
----	--	----	--	--	----	--	----	----	--	--	----	----	--	--	----

Bài 2: Tính. (5 điểm)

a) Tính nhẩm: (2 điểm), HS tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm.

$$\begin{array}{l} 6 + 7 = \\ 12 - 4 = \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 17 - 9 = \\ 8 + 5 = \end{array}$$

b) Đặt tính rồi tính: (3 điểm), HS đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm.

$$28 + 31$$

$$15 + 22$$

$$87 - 47$$

$$26 + 36$$

$$54 - 19$$

$$63 + 18$$

Bài 3: (1 điểm)

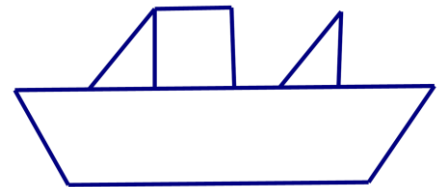
a) Lan đi ngủ lúc 20 giờ , tức là Lan đi ngủ lúc..... giờ đêm. (0,5 điểm).

b) Ngày 09 tháng 01 năm 2008 là ngày thứ tư . Ngày 11 tháng 01 năm 2008 là ngày thứ (0,5 điểm)

Bài 4: Nhận dạng hình. (1 điểm)

a) Trong hình vẽ bên có..... hình tam giác. (0,25 điểm)

Trong hình vẽ bên có hình tứ giác. (0,25 điểm)



b) Vẽ đoạn thẳng AB dài 6cm. (0,5 điểm)

Bài 5: Điền số thích hợp vào ô trống để được phép tính đúng (1 điểm)

.

	+	2	=	39
--	---	---	---	----

28	-		=	3
----	---	--	---	---

Bài 6: Giải toán (1 điểm)

a) Bạn Lan cân nặng 28kg. Bạn Mai cân nặng hơn bạn Lan 3kg. Hỏi bạn Mai cân nặng bao nhiêu kilogam ?

.....

b) Mẹ hái được 38 quả bưởi. Chị hái được 16 quả bưởi. Hỏi mẹ hái nhiều hơn chị bao nhiêu quả bưởi ?

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 49

1);61;...;64;...;66;...;...;69;70;...;...;73;74

2) .a)

$$6+7=13$$

$$17-9=8$$

$$12-4=8$$

$$8+5=13$$

b) Học sinh đặt tính đúng mỗi câu được 0,5 đ

$$28+31=59$$

$$15+22=37$$

$$87-47=40$$

$$26+36=62$$

$$54-19=35$$

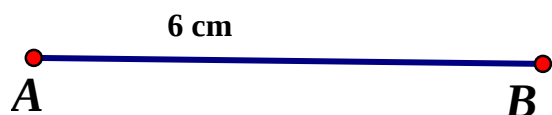
$$63+18=81$$

Bài 3. a) Lan đi ngủ lúc 8 giờ đêm

b) Ngày 11 tháng 1 năm 2008 là ngày thứ sáu

Bài 4) a) Hình vẽ có 2 tam giác, Hình vẽ có 2 tứ giác

b)



Bài 5) $37+2=39$

$$28-25=3$$

6) .a) Số kilogram bạn Mai cân nặng là : $28+3=31$ (kg)

Đáp số: 31 kg

b) Số quả bưởi mẹ hái nhiều hơn chị là : $38-16=22$ (quả)

Đáp số: 22 quả

ĐỀ 50

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau:

Câu 1: Số tròn chục liền trước của 99 là:

A. 98

B. 100

C. 90

D. 80

Câu 2: Tuần này, thứ bảy là ngày 24 tháng 12 .Thứ bảy tuần trước là ngày nào?

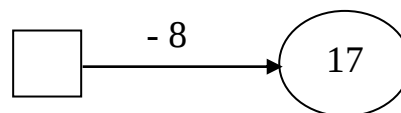
A. Ngày 17 tháng 12

B. Ngày 15 tháng 12

C. Ngày 16 tháng 12.

D. Ngày 14 tháng 12.

Câu 3: Số điền vào ô trống trong phép tính là:



A. 9

B. 25

C. 13

D. 33

Câu 4: Kết quả của phép tính $47\text{kg} - 28\text{kg}$ là:

A. 19

B. 18 kg

C. 19 kg

D. 18

Câu 5: Hiệu của 24 và 12 là:

A. 36

B. 12

C. 33

D. 2

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$58 + 17$

$46 + 49$

$100 - 54$

$75 - 38$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Tìm x:

a. $92 - x = 45$

b. $x + 28 = 54$

c. $x - 35 = 67 - 29$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Mẹ mua 24 kg gạo nếp, số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp 17 kg. Hỏi mẹ mua bao nhiêu ki- lô- gam gạo tẻ ?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

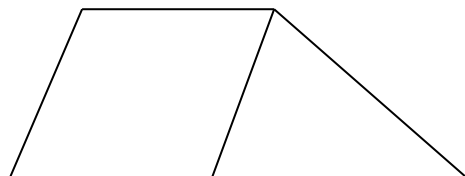
.....

.....

.....

Câu 4: Hình vẽ bên.

- Có ... hình tứ giác
- Có ... hình tam giác



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 50

I. TRẮC NGHIỆM

1.C 2.A

3.B

4.C

5.B

II. TỰ LUẬN

1. Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$58+17=75$$

$$46+49=95$$

$$100 - 54 = 46$$

$$75 - 38 = 37$$

$$2) a) 92 - x = 45$$

$$x = 92 - 45$$

$$x = 47$$

$$b) x + 28 = 54$$

$$x = 54 - 28$$

$$x = 26$$

$$c) x - 35 = 67 - 29$$

$$x - 35 = 38$$

$$x = 38 + 35$$

$$x = 73$$

Câu 3. Số kilogram gạo tẻ mẹ mua là: $24+17 = 41$ (kg gạo)

Đáp số: 41 kg gạo

Câu 4. – Có 2 tứ giác, - có 1 tam giác